

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THANH PHÚC

PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hải Dương, năm 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THANH PHÚC

**PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Lê Thị Nguyệt

Hải Dương, năm 2025

LỜI CAM ĐOAN

Đề tài này là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu có tính độc lập riêng, không sao chép bất kỳ tài liệu nào và chưa được công bố nội dung bất kỳ ở đâu; các số liệu, các nguồn trích dẫn trong đề án được chú thích nguồn gốc rõ ràng, minh bạch.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan của tôi.

Hải Dương, ngày tháng năm 2025
Tác giả

Nguyễn Thanh Phúc

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn Cô giáo - Tiến sĩ Lê Thị Nguyệt đã tạo mọi điều kiện, động viên, hướng dẫn và giúp đỡ tôi hoàn thành tốt đề án này. Trong suốt quá trình nghiên cứu, Cô đã kiên nhẫn hướng dẫn, trợ giúp và động viên tôi rất nhiều. Sự hiểu biết sâu sắc về khoa học, cũng như kinh nghiệm của Cô chính là tiền đề giúp tôi đạt được những thành tựu và kinh nghiệm quý báu.

Xin được trân trọng cảm ơn các thầy, cô giáo ở Phòng Sau Đại học, Trường Đại học Hải Dương đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập tại nhà trường và nghiên cứu, thực hiện đề án.

Tôi cũng xin cảm ơn bạn bè và gia đình đã luôn cổ vũ, động viên tôi vượt qua những khó khăn để hoàn thành tốt đề án này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Hải Dương, ngày tháng năm 2025
Tác giả

Nguyễn Thanh Phúc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC BẢNG	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ.....	ix
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục tiêu nghiên cứu đề án	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án	4
5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	5
7. Cấu trúc đề án.....	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH.....	7
1.1. Làng nghề và phát triển làng nghề	7
1.1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò của làng nghề	7
1.1.2. Khái niệm phát triển làng nghề	10
1.2. Nội dung cơ bản về phát triển làng nghề.....	11
1.2.1. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề	11
1.2.2. Nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề.....	11
1.2.3. Phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề.....	12
1.2.4. Xúc tiến truyền thông sản phẩm làng nghề.....	13
1.2.5. Phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề.....	14

1.2.6. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề	14
1.2.7. Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề	15
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề.....	15
1.3.1. Nhân tố chính sách và thể chế.....	15
1.3.2. Khoa học công nghệ.....	15
1.3.3. Tự nhiên và môi trường	16
1.3.4. Nhu cầu thị trường tiêu thụ	16
1.3.5. Nguồn lực	17
1.4. Các tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề	18
1.4.1. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về kinh tế	18
1.4.2. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về xã hội	19
1.4.3. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về môi trường	19
1.5 Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh thành Việt Nam và bài học cho tỉnh Hải Dương	20
1.5.1. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh thành Việt Nam.....	20
1.5.2. Một số bài học rút ra từ sự phát triển làng nghề của một số tỉnh	23
Tiểu kết chương 1.....	24
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG	25
2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Hải Dương	25
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội.....	25
2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	26
2.2. Thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024.....	27
2.2.1. Thực trạng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	27

2.2.2. Thực trạng nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề.....	28
2.2.3. Thực trạng phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề.....	30
1.2.4. Thực trạng xúc tiến truyền thông sản phẩm làng nghề.....	33
2.2.5. Thực trạng phát triển đội ngũ làm nghề và quy mô làng nghề.....	34
2.2.6. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề.....	43
2.2.7. Thực trạng quản lý nhà nước về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	44
2.3. Đánh giá thực trạng về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	59
2.3.1. Những thành tựu đã đạt được.....	59
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	62
Tiểu kết chương 2.....	64
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG	66
3.1. Định hướng, mục tiêu và quan điểm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2035	66
3.1.1. Định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề.....	66
3.1.2. Quan điểm phát triển làng nghề.....	67
3.1.3. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh	68
3.2. Một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.....	73
3.2.1. Nhóm giải pháp về nội dung phát triển làng nghề.....	73
3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển làng nghề	79

3.2.3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường	85
3.2.4. Một số giải pháp khác	88
Tiểu kết chương 3.....	89
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	BVMT	Bảo vệ môi trường
2	CN-TTCN	Công nghiệp- Tiểu thủ công nghiệp
3	CNH-HĐH	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
4	GTNT	Giao thông nông thôn
5	HĐND	Hội đồng nhân dân
6	HTX	Hợp tác xã
7	KBNN	Kho bạc nhà nước
8	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
9	NSNN	Ngân sách nhà nước
10	PTLN	Phát triển làng nghề
11	SXKD	Sản xuất kinh doanh
12	TTLT	Thông tư liên tịch
13	TMĐT	Thương mại điện tử
14	UBND	Ủy ban nhân dân
15	FTA	Hiệp định thương mại tự do
16	KCN	Khu công nghiệp
17	CCN	Cụm công nghiệp
18	LN	Làng nghề

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Số lượng lao động các làng nghề trên địa bàn tỉnh	34
Bảng 2.2: Đào tạo nguồn nhân lực tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024	37
Bảng 2.3. Số lượng làng nghề và đội ngũ làm nghề đến 2024 của tỉnh Hải Dương.....	38
Bảng 2.4: Giá trị sản xuất của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	39
Bảng 2.5: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề tỉnh Hải Dương.....	40
Bảng 2.6: Thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề.....	42
Bảng 2.7: Thống kê hoạt động giao lưu văn hoá làng nghề tỉnh Hải Dương	43
Bảng 2.8: Mục tiêu quy hoạch làng nghề của tỉnh Hải Dương.....	46
Bảng 2.9: Đánh giá của cán bộ về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	48
Bảng 2.10: Quy mô đầu tư vốn tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	50
Bảng 2.11: Mức độ sử dụng công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương	51
Bảng 2.12: Tổng hợp các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư	53
Bảng 2.13: Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương .	54

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ

Hình 2.1: Cơ cấu dân số tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	36
Hình 2.2: Trình độ lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương...	37
Hình 2.3: Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn.....	58
tỉnh Hải Dương.....	58

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển các làng nghề có vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo, góp phần thực hiện chiến lược xuất khẩu với sản phẩm mũi nhọn là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản và cũng là thực hiện mục tiêu phát triển nông thôn mới. Làng nghề ở Việt Nam nói chung và tại tỉnh Hải Dương nói riêng mang đến những sản phẩm vừa có giá trị kinh tế vừa hàm chứa nghệ thuật văn hóa dân tộc. Làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời, có nơi xuất hiện từ hàng trăm năm trở về trước. Các làng nghề được phân bố chủ yếu ở khu vực nông thôn, trải rộng khắp 12 huyện, thị xã, thành phố.

Hiện nay toàn tỉnh có 65 làng nghề được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh công nhận, trong đó có 34 làng nghề truyền thống với nhiều làng nghề lâu năm, đã tạo được chỗ đứng trên thị trường như: gốm Chu Đậu, gỗ mỹ nghệ Đông Giao, vàng bạc Châu Khê, thêu ren Xuân Nê, rượu Phú Lộc, giấy da Hoàng Diêu, Làng hương An Xá.

Sản phẩm của các ngành nghề rất đa dạng và phong phú gồm các nhóm: ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; DV phục vụ SX, đời sống dân cư nông thôn.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua các làng nghề trong tỉnh đã có những đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng tiến bộ, tạo ra sự ổn định, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Hải Dương, tạo 20.000 việc làm cho người lao động ở nông thôn.

Tuy vậy, trong quá trình phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã bộc lộ những bất cập như: Chất lượng sản phẩm còn thấp, khả năng cạnh tranh không cao, mẫu mã sản phẩm ít sáng tạo. Vấn đề ô nhiễm môi trường khá nghiêm trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống trong các làng nghề nói riêng và nông thôn nói chung. Nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh trong làng nghề đã và đang tạo

sức ép không nhỏ đến môi trường sống của làng nghề và các cộng đồng xung quanh. Các làng nghề cần được định hướng phát triển bền vững. Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; đã đưa ra vấn đề “Phát triển các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”. Nghiên cứu sự phát triển LN trên địa bàn tỉnh Hải Dương là vấn đề mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, em chọn đề tài: *“Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”* làm đề tài đề án thạc sĩ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

- Công trình *“Đánh giá thực trạng và đề xuất các chính sách, giải pháp chủ yếu phát triển bền vững làng nghề Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035”* (2024), đề tài cấp thành phố do tác giả Hoàng Hà chủ nhiệm đã đi sâu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề Hà Nội và đề xuất một số chính sách, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển bền vững làng nghề Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Mai thế Hồn (2000), *“Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng ven thủ đô Hà Nội”*, Luận án tiến sĩ kinh tế: Luận án đi sâu vào phân tích, đánh giá tiềm năng, thực trạng của việc phát triển LNTT cả về thành tựu lẫn hạn chế. Đồng thời đề xuất phương hướng và giải pháp phát triển LNTT vùng ven Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

- Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (2003), *“Thực trạng và những giải pháp nhằm phát triển làng nghề tỉnh Bắc Ninh”*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

- Nguyễn Thị Thọ (2005), *“Phát triển làng nghề ở huyện Từ Liêm trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn”*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế. tác giả tập trung phân tích làng nghề và TNTT. Tiến hành khảo sát thực trạng sản xuất kinh doanh ở địa phương nhằm đưa ra giải pháp để phát triển LNTT ở huyện Từ Liêm.

Nguyễn Trí Đình (Chủ nhiệm) (2005), *“Những giải pháp nhằm phát triển làng nghề ở một số tỉnh đồng bằng sông Hồng”*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

- Hoàng Văn Châu- Phạm Thị Hồng Yến- Lê Thị Thu Hà (2007), *“Làng nghề du lịch Việt Nam”*, NXB Thống Kê, Hà Nội.

- Liên Minh (2009), Một số vấn đề bảo tồn và phát triển làng nghề, Kỷ yếu Hội thảo “Nghề và làng nghề thủ công truyền thống: Tiềm năng và định hướng phát triển”, Huế.

- Phạm Thị Oanh (2021), *“Phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở tỉnh Nam Định”*, luận văn Thạc sỹ kinh tế. tác giả trình bày những lý luận chung về LNTT và nêu thực trạng phát triển LNTT ở tỉnh Nam Định trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn để từ đó đưa ra các giải pháp phát triển vấn đề này.

- Nguyễn Thị Ngọc Cẩm (2020), *“Nghiên cứu phát triển bền vững du lịch làng nghề tỉnh Thừa Thiên Huế”*, Kỷ yếu Hội thảo Festival nghề và làng nghề truyền thống Huế, trang 12 - 16.

- Nguyễn Phước Phú Quang (2021), *“Du lịch làng nghề ở đồng bằng sông Cửu Long -Một lợi thế văn hóa để phát triển du lịch”*, Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 10, trang 62-66.

- Đinh Thị Mai Lan (2020), *“Phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch ở làng gốm Bát Tràng Hà Nội”*, Luận văn Thạc sỹ. Tác giả đã làm rõ phạm trù LNTT gắn với du lịch, phân tích thực trạng và tiềm năng của LNTT gắn với làng gốm Bát Tràng Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp để thúc đẩy LNTT phục vụ du lịch ở Hà Nội.

Và một số đề tài luận văn/đề án thạc sỹ khác cũng có đề cập đến vấn đề này. Tuy nhiên trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Hải Dương, học viên nhận thấy trong thời gian gần đây chưa có công trình nào nghiên cứu về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu trên, ứng dụng nghiên cứu trên địa bàn cụ thể của Hải Dương, em đã quyết định chọn chủ đề *“Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”* làm đề tài đề án tốt nghiệp thạc sỹ ngành Quản lý kinh tế.

3. Mục tiêu nghiên cứu đề án

3.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất một số giải pháp và kiến nghị phát triển làng nghề trong đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng hợp cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển làng nghề.
- Phân tích và làm rõ thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024, đánh giá thành tựu, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân.
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến 2030, tầm nhìn 2035.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề quản lý, kinh tế tổ chức, cơ chế liên kết liên quan đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đối tượng trực tiếp là các chủ thể tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm làng nghề (các đơn vị, các hộ kinh doanh, các tổ sản xuất, HTX, các trung gian phân phối) trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương qua các nội dung: Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề; Phát triển chất lượng, danh mục sản phẩm của các làng nghề; Phát triển thương hiệu sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển các hoạt động xúc tiến sản phẩm cho các làng nghề; Phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề; Phát triển quy mô sản xuất của các làng nghề; Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề.

Về không gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Về thời gian nghiên cứu: Đề tài thu thập giữ liệu giai đoạn 2021-2024

5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án

5.1. Phương pháp thu thập thông tin

- *Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp*: Các thông tin, số liệu thứ cấp được thu thập về phát triển làng nghề gồm số liệu thống kê, các báo cáo được công bố, ..Ngoài ra đề tài cũng tham khảo các nguồn tài liệu tìm kiếm được qua sách báo, truyền hình, internet.... của tỉnh Hải Dương về các làng nghề.

- *Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp*:

+ Phương thức khảo sát: Khảo sát bằng phiếu hỏi

+ Đối tượng và mẫu khảo sát: (1) Đề án tiến hành khảo sát 100 đơn vị sản xuất làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương; (2) Khảo sát 53 cán bộ quản lý nhà nước về làng nghề, cán bộ nghiên cứu, chuyên gia, nhà khoa học.

+ Thời gian khảo sát: 12/2024

5.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

- *Phương pháp tổng hợp số liệu*: Đề án tổng hợp dữ liệu từ bảng khảo sát các hộ sản xuất làng nghề, các cán bộ quản lý các cấp và khách hàng và các dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của tỉnh Hải Dương về các làng nghề giai đoạn 2021-2024.

- *Phương pháp phân tích*: Được sử dụng để phân tích và đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề ra các giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

- *Phương pháp đối chiếu so sánh*: Được sử dụng cho quá trình phân tích kết quả phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương để đánh giá xu hướng, mức độ biến động của của các làng nghề giai đoạn 2021-2024.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Ý nghĩa lý luận: Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển làng nghề.

Ý nghĩa thực tiễn: Đánh giá được thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

7. Cấu trúc đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề án được chia thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển làng nghề trên địa bàn cấp tỉnh

Chương 2: Thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh tỉnh Hải Dương

Chương 3: Giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

1.1. Làng nghề và phát triển làng nghề

1.1.1. Khái niệm, phân loại, vai trò của làng nghề

a) Khái niệm làng nghề

Có nhiều khái niệm khác nhau về làng nghề:

Theo Nguyễn Văn Đại, Trần Văn Luận cho rằng *“Làng nghề là những làng đã từng có từ 50 hộ hoặc từ 1/3 tổng số hộ hay lao động của địa phương trở lên làm nghề chiếm phần chủ yếu trong tổng thu nhập của họ trong năm”*.

Theo Mai Thế Hồn cho rằng *“Làng nghề là một cụm dân cư sinh sống trong một thôn (làng) có một hay một số nghề được tách ra khỏi nông nghiệp để sản xuất độc lập. Thu nhập từ các nghề đó chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị sản phẩm của làng”*.

Theo TS. Dương Bá Phụng: *“Làng nghề là làng ở nông thôn có một (hay một số) nghề thủ công tách hẳn khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập”*.

Theo Đỗ Quang Dũng: *“Làng nghề là làng ở nông thôn có một (hay một số) nghề thủ công hầu như được tách hẳn ra khỏi nông nghiệp, kinh doanh độc lập và đạt tới một tỷ lệ nhất định về lao động làm nghề cùng như về mức thu nhập từ nghề so với tổng số lao động và thu nhập của làng”*.

Đề án sử dụng khái niệm làng nghề theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó có đưa ra cách hiểu về làng nghề: *“làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau”* (Chính phủ, 2018).

Như vậy khái niệm làng nghề có thể bao gồm những nội dung chính sau: *“Làng nghề là một thiết chế KT-XH ở nông thôn, được cấu thành bởi hai yếu tố làng*

và nghề, tồn tại trong một không gian địa lí nhất định trong đó bao gồm nhiều hộ gia đình sinh sống bằng nghề thủ công là chính, giữa họ có mối liên kết chặt chẽ về kinh tế - xã hội và văn hóa”.

b) Phân loại làng nghề

(1) Theo lịch sử hình thành và phát triển các làng nghề:

Làng nghề truyền thống: “Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời”.

Làng nghề mới: Làng nghề mới là những làng có ngành nghề phát triển trong những năm gần đây, chủ yếu do sự lan tỏa từ làng nghề truyền thống hoặc do sự du nhập trong quá trình hội nhập giữa các vùng và giữa các nước. Ngay các làng nghề truyền thống cũng có sự đan xen giữa nghề mới và nghề truyền thống.

(2) Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh: Làng nghề TTCN như: dệt, gốm sứ, đồ gỗ mỹ nghệ.v.v...; Làng nghề công nghiệp cơ khí, chế tác như: chế tác vàng bạc, dát vàng, gia công tái chế sắt thép.v.v...; Làng nghề xây dựng; Làng nghề dịch vụ;....

(3) Theo quy mô làng nghề:

Làng nghề quy mô lớn, lan tỏa, liên kết nhiều làng làm cùng một nghề hoặc cùng một không gian địa lí lãnh thổ, tạo thành vùng nghề hoặc xã nghề ở đó các làng nghề, có quy mô lao động phi nông nghiệp rất lớn, không chỉ với lực lượng lao động tại chỗ mà còn thu hút nhiều lao động đến làm thuê.

Làng nghề quy mô nhỏ, là trong phạm vi một làng theo địa giới hành chính. Ở các làng nghề này thường hoạt động kinh doanh một ngành nghề phi nông nghiệp, được truyền nghề theo phạm vi dòng tộc.

(4) Theo loại hình kinh doanh của làng nghề có tính phổ biến ở Việt Nam:

Các làng nghề truyền thống chuyên doanh một chủng loại sản phẩm;

Các làng nghề kinh doanh tổng hợp một số sản phẩm truyền thống;

Các làng nghề vừa chuyên doanh sản phẩm truyền thống vừa phát triển các ngành nghề mới như dịch vụ, xây dựng.

(5) Theo tính chất hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề:

Các làng nghề vừa sản xuất nông nghiệp vừa kinh doanh các ngành nghề phi nông nghiệp; Các làng nghề thủ công chuyên nghiệp; Các làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu.

c) Các tiêu chí xác định làng nghề

Làng nghề được công nhận theo Thông tư 116/2006/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải đạt 03 tiêu chí sau: (1) Có tối thiểu 30% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn; (2) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 2 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (3) Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tuy nhiên hiện tiêu chí có sự thay đổi, theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, chí công nhận làng nghề gồm: (1) có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề nông thôn; (2) hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm tính đến thời điểm đề nghị công nhận; (3) đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, đây sẽ là khái niệm được sử dụng trong đề án.

d) Vai trò của làng nghề

(1) Tạo ra hàng hoá phong phú, đa dạng phục vụ cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu: Với số lượng ngành nghề phong phú, đa dạng và với số lượng lớn các cơ sở, các hộ sản xuất nên các làng nghề đã tạo ra sản phẩm hàng hoá phong phú và đa dạng về chủng loại, khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước. Ngoài ra sản phẩm của các làng nghề còn đóng góp quan trọng làm tăng kim ngạch xuất khẩu.

(2) Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá: Làng nghề có vai trò tích cực góp phần tăng tỷ trọng công nghiệp, TTCN và dịch vụ, thu hẹp tỷ trọng nông nghiệp, chuyển lao động từ sản xuất nông nghiệp có thu nhập thấp sang ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao hơn. Cơ cấu kinh tế ở nhiều làng nghề đạt 60-80% cho công nghiệp và dịch vụ, 20-40% cho nông nghiệp. Theo tính toán của các chuyên gia kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn hợp lý theo tỷ lệ (30% làm nông nghiệp, 40%

công nghiệp và 30% làm dịch vụ). Để đạt được cơ cấu này thì cần phải đẩy mạnh phát triển làng nghề để tạo việc làm tại chỗ là rất cần thiết.

(3) *Tạo việc làm cho lao động nông thôn*: Sản xuất của làng nghề chủ yếu bằng phương pháp thủ công, không đòi hỏi cao về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ. Do đó phát triển làng nghề tạo việc làm cho nhiều lao động cho địa phương và các khu vực lân cận. Mặt khác, làng nghề phát triển sẽ hình thành các hoạt động dịch vụ liên quan, tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút thêm nhiều lao động.

(4) *Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, góp phần xây dựng nông thôn mới*: Những nơi có làng nghề phát triển tỉ lệ hộ khá và giàu thường cao hơn, tỉ lệ hộ nghèo thấp hơn hẳn so với những vùng thuần túy sản xuất nông nghiệp. Làng nghề phát triển, thu nhập của người dân được nâng cao thì người dân có điều kiện để tổ chức các hoạt động văn hoá. Trong các làng nghề, cùng với sự đổi mới về kinh tế, văn hoá của nhân dân là quá trình xây dựng và đổi mới nông thôn theo hướng HHĐH.

(5) *Thu hút vốn nhàn rỗi và tận dụng nguồn lực trong dân cư, đặc biệt là khu vực nông thôn*:

(6) *Thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn*: Làng nghề phát triển phát sinh nhu cầu xây dựng nhà xưởng, đường sá, hệ thống cấp điện, nước, bưu điện... Đồng thời làng nghề phát triển, người dân có thu nhập cao, có điều kiện đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, có nhu cầu và điều kiện trao đổi hàng hoá, mua sắm các tiện nghi sinh hoạt, xây dựng nhà cửa và do đó hình thành trung tâm giao lưu buôn bán.

(7) *Làng nghề góp phần bảo tồn và phát triển nhiều ngành nghề truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, đặc biệt trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*.

1.1.2. Khái niệm phát triển làng nghề

Phát triển làng nghề có thể được hiểu là sự tăng lên về quy mô của các loại hình tham gia sản xuất làng nghề, về số lượng các cơ sở sản xuất, các hộ sản xuất nghề, đồng thời là sự tăng lên về giá trị sản lượng, về thu nhập của người lao động

cùng với sự tăng lên về doanh thu của các cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề và giữ vững sự ổn định, bền vững.

Hay phát triển làng nghề cũng được hiểu như sau: Phát triển làng nghề là quá trình phát triển sản xuất kinh doanh của làng nghề nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng và ngày càng phát triển của thể hệ hiện đại, mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của thể hệ tương lai.

Trong phạm vi đề án, nội dung phát triển làng nghề gồm: (1) Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề; (2) Nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề; (3) Phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề; (4) Xúc tiến và truyền thông sản phẩm làng nghề; (5) Phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề; (6) Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề; (7) Quản lý nhà nước về làng nghề.

1.2. Nội dung cơ bản về phát triển làng nghề

1.2.1. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề

Thị trường tiêu thụ là yếu tố then chốt quyết định đầu ra sản phẩm. Không có thị trường, sản xuất sẽ không thể phát triển bền vững. Địa phương, các làng nghề cần chú trọng mở rộng thị trường giúp tăng doanh thu, nâng cao thu nhập cho người dân. Ổn định đầu ra tạo động lực để duy trì và phát triển nghề truyền thống. Góp phần chuyển đổi kinh tế nông thôn theo hướng thương mại hóa.

Các hình thức mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề: Mở rộng thị trường nội địa thông qua các hội chợ, triển lãm, kết nối với các chuỗi siêu thị, trung tâm thương mại; Khai thác thị trường xuất khẩu, tìm kiếm đối tác nước ngoài, tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA); Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu tiêu dùng để điều chỉnh sản phẩm phù hợp.

1.2.2. Nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề

Sản phẩm làng nghề cần phải có chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu thị trường để duy trì sức cạnh tranh. Giúp nâng cao giá trị gia tăng và khả năng tiêu thụ của sản phẩm. Đáp ứng tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, mở đường cho xuất khẩu. Tạo lợi thế so sánh giữa các làng nghề, hạn chế sự trùng lặp sản phẩm.

Thương hiệu là công cụ khẳng định uy tín và tạo niềm tin cho người tiêu dùng. Là tài sản vô hình nhưng có giá trị cao. Giúp sản phẩm làng nghề có chỗ đứng bền vững trên thị trường. Góp phần bảo vệ sản phẩm khỏi sao chép, làm giả.

Giải pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm gồm: Cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, đảm bảo chất lượng ổn định. Đổi mới mẫu mã, thiết kế phù hợp với thị hiếu thị trường. Đa dạng hóa sản phẩm: từ hàng tiêu dùng thường ngày đến hàng lưu niệm, quà tặng, sản phẩm trang trí, sản phẩm thân thiện môi trường.

1.2.3. Phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề

Kênh phân phối là cầu nối giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Kênh phân phối càng đa dạng, khả năng tiếp cận khách hàng càng cao.

Các kênh phân phối có thể chia thành ba nhóm chính:

(1) Kênh trực tiếp: Sản phẩm được bán từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng mà không qua trung gian (ví dụ: bán tại xưởng, hội chợ, website riêng...).

(2) Kênh gián tiếp: Qua đại lý, cửa hàng đặc sản, siêu thị, trung tâm thương mại, qua sàn thương mại điện tử, nền tảng online như Shopee, Lazada, Amazon...

(3) Kênh hỗn hợp: Kết hợp cả trực tiếp và gián tiếp để tận dụng lợi thế của từng hình thức.

Mục tiêu phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề là: Đảm bảo tiếp cận tối đa khách hàng tiềm năng; Tối ưu hóa chi phí vận chuyển, lưu kho, bán hàng; Nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh; Tạo ra mạng lưới tiêu thụ ổn định và bền vững cho sản phẩm làng nghề.

Kênh phân phối giúp giải quyết tình trạng tiêu thụ khó khăn do sản xuất phân tán. Giảm phụ thuộc thương lái, nâng cao quyền chủ động cho người làm nghề. Tăng giá trị sản phẩm thông qua kết nối thị trường cao cấp hoặc thị trường quốc tế. Tạo nền tảng để xây dựng nhận diện thương hiệu làng nghề.

Khi phát triển kênh phân phối cho làng nghề cần đảm bảo phù hợp với quy mô sản xuất và đặc điểm sản phẩm (ví dụ: sản phẩm thủ công mỹ nghệ nên kết hợp kênh trải nghiệm - du lịch - online); Tăng tính kết nối và liên kết giữa các chủ thể: cơ sở

sản xuất - thương nhân - doanh nghiệp - cơ quan quản lý; Phối hợp truyền thống và hiện đại bảo tồn giá trị văn hóa nhưng linh hoạt theo xu thế thị trường.

Một số mô hình phù hợp với làng nghề hiện nay: Cửa hàng đặc sản - showroom làng nghề; Sàn thương mại điện tử; Livestream bán hàng; Du lịch làng nghề kết hợp bán sản phẩm; Chuỗi phân phối hợp tác xã - doanh nghiệp

1.2.4. Xúc tiến truyền thông sản phẩm làng nghề

Phát triển các hoạt động xúc tiến sản phẩm đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược phát triển toàn diện làng nghề, giúp tăng cường thị phần, xây dựng thương hiệu, kết nối thị trường và tạo động lực sản xuất. Đây là cầu nối chiến lược giữa sản phẩm thủ công truyền thống và thị trường hiện đại, góp phần đưa làng nghề phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Nâng cao nhận diện và giá trị thương hiệu sản phẩm làng nghề

Vai trò của hoạt động xúc tiến như quảng bá, triển lãm, truyền thông giúp: (1) *Tăng cường sự nhận biết về sản phẩm và thương hiệu làng nghề trong tâm trí người tiêu dùng.* Góp phần xây dựng hình ảnh đặc trưng, uy tín cho sản phẩm làng nghề, tạo nền tảng cho phát triển thị trường bền vững; (2) *Mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước* thông qua các hội chợ, chương trình kết nối cung – cầu, xúc tiến thương mại, sản phẩm làng nghề có cơ hội tiếp cận khách hàng mới, đặc biệt ở các thị trường tiềm năng như đô thị, khu du lịch, quốc tế; (3) *Thúc đẩy tiêu dùng và gia tăng doanh số bán hàng:* Hoạt động xúc tiến có khả năng tác động trực tiếp đến hành vi tiêu dùng, khơi dậy nhu cầu và khuyến khích mua sắm sản phẩm làng nghề; Tạo điều kiện để đẩy mạnh tiêu thụ theo mùa vụ, sự kiện, giảm tình trạng tồn kho, thúc đẩy sản xuất liên tục; (4) *Hỗ trợ quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu:* Thông qua xúc tiến, sản phẩm được gắn liền với các giá trị văn hóa, truyền thống, thẩm mỹ - những yếu tố tạo nên sự khác biệt và là nền tảng cho thương hiệu. Xúc tiến còn giúp truyền tải câu chuyện, giá trị nhân văn và lịch sử của nghề, từ đó tạo chiều sâu cho thương hiệu; (5) *Tăng cường kết nối giữa làng nghề và các đối tác thị trường:* Các hoạt động xúc tiến giúp các cơ sở làng nghề tiếp cận doanh nghiệp phân phối, nhà bán lẻ, các tổ chức xuất khẩu và nhà đầu tư. Tạo ra mạng lưới quan hệ kinh doanh, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị giữa sản xuất - tiêu thụ - quảng bá; (6) *Góp phần vào chuyển đổi số*

và hiện đại hóa tiêu thụ sản phẩm: Xúc tiến hiện đại không chỉ dừng ở hội chợ truyền thống mà còn bao gồm xúc tiến online, livestream, digital marketing; Đây là nền tảng quan trọng giúp các làng nghề bắt kịp xu thế tiêu dùng hiện đại và hội nhập thị trường toàn cầu; (7) *Thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề*: Hoạt động xúc tiến sản phẩm kết hợp với du lịch tạo ra các trải nghiệm tiêu dùng - văn hóa đặc trưng, góp phần đưa làng nghề thành điểm đến hấp dẫn. Thúc đẩy hình thành các tour du lịch làng nghề, nâng cao giá trị sản phẩm và thu hút du khách tiêu dùng tại chỗ.

Các hoạt động xúc tiến: Tổ chức và tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế; Đẩy mạnh marketing online, truyền thông qua mạng xã hội, website chuyên nghiệp; Kết nối với các tổ chức du lịch, truyền thông để giới thiệu làng nghề đến du khách và thị trường.

1.2.5. Phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề

Việc phát triển đội ngũ làm nghề và gia tăng số lượng làng nghề không chỉ đơn thuần là mở rộng sản xuất mà còn là nền tảng để bảo tồn giá trị truyền thống, phát triển kinh tế nông thôn, và nâng cao vị thế hàng thủ công Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài của hệ sinh thái làng nghề. Do vậy cần chú trọng: Đào tạo nghề cho lao động địa phương, nhất là thế hệ trẻ. Khuyến khích nghệ nhân truyền nghề, mở lớp dạy nghề tại chỗ. Thu hút người trẻ quay về quê làm nghề thông qua hỗ trợ vốn, mặt bằng và đầu ra.

1.2.6. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề

Làng nghề truyền thống không chỉ là nơi sản xuất mà còn là không gian lưu giữ giá trị văn hóa, lịch sử và tâm linh của cộng đồng. Bảo tồn làng nghề góp phần gìn giữ nghề thủ công cổ truyền, kỹ thuật sản xuất tinh xảo, phong tục tập quán và tri thức dân gian – những giá trị phi vật thể quý báu của dân tộc. Mỗi làng nghề gắn liền với câu chuyện, truyền thuyết và lịch sử riêng, tạo nên một phần trong bức tranh di sản văn hóa của quốc gia. Việc phát huy làng nghề giúp nâng cao giá trị của di sản địa phương, làm phong phú thêm bản sắc vùng miền. Làng nghề là nơi thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng, nơi các thế hệ cùng nhau gìn giữ nghề tổ, cùng làm, cùng

sống và cùng phát triển. Việc duy trì và phát triển làng nghề góp phần giữ chân người dân ở lại nông thôn, giảm di cư lao động và giữ gìn cấu trúc xã hội làng xã truyền thống. Phát triển kinh tế gắn với văn hóa bền vững. Đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần trong xã hội hiện đại, làng nghề trở thành không gian sống văn hóa, nơi giáo dục truyền thống, lòng tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ.

1.2.7. Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề

Quản lý nhà nước về phát triển làng nghề là hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm định hướng, tổ chức, hỗ trợ và kiểm soát quá trình phát triển các làng nghề truyền thống hoặc làng nghề mới theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gồm các nội dung trọng tâm: (1) Xây dựng và ban hành chính sách: hỗ trợ vốn, đất đai, thuế, khoa học công nghệ; (2) Quy hoạch phát triển làng nghề: gắn với phát triển vùng nguyên liệu, logistics; (3) Cấp phép và công nhận làng nghề: theo quy định tại Nghị định 52/2018/NĐ-CP; (4) Thanh tra, kiểm tra: hoạt động sản xuất, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy; (4) Hỗ trợ đào tạo nghề, khuyến công, xúc tiến thương mại và xuất khẩu.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề

1.3.1. Nhân tố chính sách và thể chế

Chính sách và thể chế là yếu tố quyết định hướng đi, mức độ hỗ trợ và môi trường pháp lý cho hoạt động của làng nghề. Các chính sách hiệu quả không chỉ tháo gỡ khó khăn mà còn tạo động lực và điều kiện để làng nghề phát triển bền vững, hiện đại và có khả năng cạnh tranh.

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Bao gồm quy hoạch, cấp phép, khuyến công, tín dụng, đào tạo nghề, xúc tiến thương mại...

Cơ chế pháp lý: Các quy định về bảo hộ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường...

Sự quan tâm của chính quyền địa phương: Vai trò của UBND xã, huyện, tỉnh trong hỗ trợ phát triển làng nghề là rất quan trọng.

1.3.2. Khoa học công nghệ

Ngày nay khoa học công nghệ đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp,

được xác định là động lực của CNH-HĐH, khoa học công nghệ là yếu tố quyết định về chất để tăng năng suất lao động, quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng của mỗi quốc gia. Công nghệ tiên tiến phù hợp với tiềm năng nguồn lực, trình độ vận dụng, khả năng quản lý sẽ là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nguồn khoa học công nghệ được biểu hiện trên nhiều mặt: Trình độ người lao động, đội ngũ các nhà nghiên cứu; Cơ sở vật chất tiên bộ phục vụ nghiên cứu, triển khai sản xuất; Khả năng tiếp thu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ.

1.3.3. Tự nhiên và môi trường

Nguồn nguyên liệu tại chỗ: Gắn bó với địa phương sẽ giúp tiết kiệm chi phí và giữ được tính đặc trưng của sản phẩm.

Địa lý và giao thông: Giao thông thuận lợi giúp vận chuyển hàng hóa dễ dàng, tiếp cận thị trường nhanh chóng. Số liệu thống kê cho thấy nhiều làng nghề phát triển đều nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông hoặc gần nguồn nguyên liệu. Những vị trí như vậy thuận tiện trong chuyên chở nguyên vật liệu, trao đổi và buôn bán sản phẩm,... Đặc biệt là trước kia, do điều kiện về giao thông chưa phát triển thì yếu tố “bến sông bãi chợ” luôn đóng vai trò chính trong việc vận chuyển, buôn bán của làng nghề.

1.3.4. Nhu cầu thị trường tiêu thụ

Nhu cầu thị trường là nhân tố chủ yếu tác động đến sự hình thành, tồn tại và phát triển làng nghề. Bởi vì sản phẩm làng nghề là hàng hoá, do đó phải được thị trường chấp nhận thì mới tiêu thụ được. Trước hết, nhu cầu thị trường làm xuất hiện nghề và từ đó dần dần hình thành nên làng nghề. Đối với các làng nghề, nhu cầu thị trường thay đổi yêu cầu sản phẩm làng nghề thay đổi phù hợp. Điều này buộc các làng nghề phải thay đổi chủng loại sản phẩm hoặc thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường và phải nâng cao sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường. Nhu cầu thị trường càng lớn, càng bền vững thì việc sản xuất của các làng nghề càng ổn định và bền vững. Làng nghề nào thích ứng với sự biến động của thị trường thì tồn tại và phát triển. Ngược lại làng nghề nào

không đáp ứng được sự thay đổi của nhu cầu thị trường thì sẽ bị mai một dần, có làng bị mất đi.

Tác động môi trường: Các làng nghề gây ô nhiễm sẽ bị hạn chế phát triển nếu không có giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

1.3.5. Nguồn lực

a) *Nhân tố vốn:* Cơ cấu nguồn vốn tại các làng nghề bao gồm nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài. Về thu hút vốn đầu tư nước ngoài có thể nói ở làng nghề là rất ít, còn nguồn vốn trong nước bao gồm: vốn tự có của các chủ thể sản xuất kinh doanh trong làng nghề được tích lũy lại; nguồn vốn tín dụng phi chính thức vay giữa các hộ với nhau; nguồn vốn tín dụng chính thức vay từ các ngân hàng thương mại. Hiện nay có một số làng nghề còn được nhận một khoản vốn vay ưu đãi được trích ra từ các chương trình quốc gia xóa đói giảm nghèo, vốn của các tổ chức xã hội, đoàn thể.

b) *Lao động:* Được hình thành theo thời vụ, cơ cấu lao động trong làng nghề được phân hóa như sau: Lực lượng cơ bản nhất ở tại địa phương bao gồm lao động địa phương chuyên nghiệp; lao động địa phương bán chuyên nghiệp là những người trong gia đình tham gia khi công việc cần kíp hoặc công việc của hộ rỗi rãi; lao động làm thuê ở địa phương khác đến làm việc với tư cách đi học việc, như các ngành chạm, khắc, thêu, ren... Thực tế hiện nay tại một số làng nghề, lao động chuyên nghiệp là những người trong độ tuổi trung niên hoặc là người đã lập gia đình, còn đối với lao động trẻ thì quan niệm nghề truyền thống chỉ là tạm thời.

c) *Nguồn nguyên liệu:* Cũng như bất kỳ quá trình sản xuất, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu và khoảng cách giữa nguồn cung cấp nguyên liệu có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, giá thành, lợi nhuận của các doanh nghiệp. Nguồn nguyên liệu chính tại địa phương trong nước, đây chính là lợi thế của làng nghề. Thị trường nguyên liệu không chính thức, phương thức thanh toán do hai bên tự thỏa thuận, phụ thuộc thời vụ do tư thương cung cấp nên giá cả lên xuống theo mùa. Sử dụng nguyên liệu đa dạng hoặc thay thế sẽ là xu hướng cần được quan tâm để làng nghề phát triển bền vững.

f) Truyền thống làm nghề

Mỗi làng nghề truyền thống đều có những kinh nghiệm, kỹ thuật, thói quen nghề nghiệp, bí quyết riêng trong sản xuất, kinh doanh. Những kinh nghiệm, kỹ thuật, thói quen nghề nghiệp, bí quyết này tạo nên nét độc đáo riêng của từng làng nghề và nằm trong tay các nghệ nhân, thợ giỏi, được truyền từ đời này sang đời khác để lưu giữ và phát triển nghề truyền thống tại địa phương. Những yếu tố truyền thống giúp cho làng nghề giữ được những bí mật nghề nghiệp, làm cho sản phẩm của làng nghề có tính độc đáo, mang đặc trưng riêng của từng làng nghề.

Trên đây là một số nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển các làng nghề, các nhân tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó có những nhân tố có mặt tác động tích cực và có mặt tác động tiêu cực.

1.4. Các tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề

1.4.1. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về kinh tế

Việc phát triển làng nghề đồng nghĩa với tăng năng suất lao động, gia tăng giá trị sản lượng, thu hút lao động vào ngành nghề phi nông nghiệp, nâng cao thu nhập, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thay đổi mô hình sản xuất tiêu dùng, thông qua tăng năng suất lao động nhằm giảm chi phí, hạ giá giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm làng nghề.

Năng suất lao động phụ thuộc vào các yếu tố sau: Thực hiện tốt công tác dạy nghề, truyền nghề trong làng nghề đảm bảo cho người lao động theo nghề có khả năng duy trì, bảo tồn các kỹ xảo truyền thống, tích lũy được kinh nghiệm, ngày càng thành thục, khéo léo; khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến vào một số công đoạn sản xuất nhưng vẫn đảm bảo sự tinh xảo, độc đáo của nghề truyền thống; gia tăng hàm lượng chất xám trong sản phẩm; tiết kiệm tiêu hao năng lượng, giảm bớt mức độ nặng nhọc cho người lao động; nâng cao hiệu suất sử dụng tư liệu sản xuất; giảm bớt sự phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên trong quá trình sản xuất.

Các chủ thể sản xuất kinh doanh trong làng nghề được trang bị các kiến thức về marketing, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; tổ chức quản lý sản xuất khoa học và hiệu quả.

Gia tăng giá trị sản lượng, làm tăng giá trị sản phẩm hàng hóa, đóng góp đáng

kể cho kinh tế địa phương.

Góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; kích thích sự ra đời và phát triển các ngành nghề liên quan mật thiết với nó như dịch vụ, thương mại, vận tải, thông tin liên lạc.v.v..

Từng bước hình thành phố chợ sầm uất, các trung tâm giao lưu buôn bán, dịch vụ và trao đổi hàng hóa, dần dần tạo lập cụm dân cư với lối sống đô thị ngày một rõ nét, tiến đến đô thị hóa trở thành các thị tứ, thị trấn.

1.4.2. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về xã hội

Sự phát triển làng nghề sẽ tạo thêm việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng quỹ phúc lợi, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn văn hóa vùng miền ở làng nghề, thông qua:

Tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút nhiều lao động vào các ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là lao động nông nhàn, tăng thêm thu nhập cho lao động nông thôn.

Giải quyết việc làm không chỉ trong làng nghề mà còn thu hút lao động các vùng lân cận, từ đó tạo ra động lực phát triển KT-XH địa phương.

Tận dụng và thu hút nhiều loại lao động, từ lao động thời vụ nông nhàn đến lao động trên độ tuổi hay dưới độ tuổi, hạn chế di cư từ vùng này sang vùng khác.

Các làng nghề phát triển tạo ra nguồn tích lũy lớn và ổn định cho ngân sách địa phương, từ đó đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông thôn (hệ thống điện, trường học, cấp thoát nước.v.v.); tăng sức mua của người dân và thu hẹp khoảng cách thành thị - nông thôn.

Nâng cao học vấn của người dân, thể hiện trình độ dân trí văn minh cao hơn; góp phần xóa đói giảm nghèo; giải quyết tốt các vấn đề xã hội như văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe của người dân trong làng nghề, giảm tệ nạn xã hội...

Phát triển làng nghề gắn liền với bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc vì nó là sự kết tinh của lao động vật chất và lao động tinh thần, được tạo nên bởi bàn tay tài hoa và óc sáng tạo của người thợ thủ công. Giữ gìn và phát huy được tính đa dạng và bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động lễ hội hay hương ước của làng nghề.

1.4.3. Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về môi trường

Tiêu chí đánh giá phát triển làng nghề về môi trường phải đảm bảo giảm thiểu tác hại ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất kinh doanh gây ra; có kế hoạch, quy hoạch khai thác, sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu; phòng ngừa, hạn chế các bệnh nghề nghiệp; thông qua: (1) Bảo vệ môi trường sống không bị ô nhiễm, hạn chế các bệnh nghề nghiệp; (2) Gắn liền tái tạo tài nguyên, có ý thức nâng cao chất lượng môi trường sinh thái làng nghề; (3) Khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có kế hoạch, quy hoạch vùng nguyên liệu cho làng nghề. Hoặc làng nghề phải nghiên cứu, hướng tới sử dụng nguyên liệu nhân tạo, đa dạng hóa, thay thế nguồn nguyên liệu.

1.5 Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh thành Việt Nam và bài học cho tỉnh Hải Dương

1.5.1. Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh thành Việt Nam

1.5.1.1. Tỉnh Thái Bình

Giai đoạn (2010 - 2024), phong trào khôi phục, phát triển nghề và làng nghề ở Thái Bình liên tục phát triển. Đến nay, UBND tỉnh Thái Bình đã cấp bằng công nhận 145 làng nghề; dẫn đầu là huyện Hưng Hà với 52 làng nghề, xã nghề; huyện Kiến Xương có 40 làng; huyện Quỳnh Phụ có 35 làng; các địa phương khác có từ 15 đến 20 làng, xã nghề.

Phong trào phát triển nghề và làng nghề ở Thái Bình đã mang lại lợi ích kinh tế - xã hội khá lớn. Năm 2011, giá trị sản xuất (tính theo giá cố định 2005) của các làng nghề mới đạt 660 tỷ đồng, đến năm 2015 đạt 1.408 tỷ đồng, năm 2020 đạt 2.520 tỷ đồng; năm 2024, đạt 7.127 tỷ đồng, chiếm 20,8% tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động nông thôn. Năm 2024, giải quyết việc làm cho hơn 150.000 người. Nhiều nơi, giá trị sản xuất của nghề và làng nghề chiếm từ 45 -50% trong tổng giá trị sản xuất của các ngành kinh tế, đưa tốc độ phát triển kinh tế địa phương thời gian qua tăng bình quân 13 - 14%/năm, như ở các xã: Thái Phương, Canh Tân, Tân Lễ (Hưng Hà); Hồng Thái, Lê Lợi (Kiến Xương); Vũ Hội, Nguyên Xá (Vũ Thư).

Đạt được kết quả trên là có sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương: Tỉnh ủy Thái Bình khóa có Nghị quyết về phát triển nghề

và làng nghề. UBND tỉnh ban hành tiêu chí công nhận các địa phương đạt danh hiệu "Làng nghề, xã nghề". Ban hành cơ chế, chính sách nhằm phát triển nghề và làng nghề như: hỗ trợ công tác đào tạo, truyền nghề, dạy nghề; tôn vinh các doanh nghiệp, nghệ nhân, thợ giỏi; ưu tiên tăng nguồn vốn khuyến công, vốn đào tạo dạy nghề, truyền nghề; ưu tiên hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, hạ tầng cụm công nghiệp gắn với hệ thống xử lý môi trường.

1.5.1.2. Tỉnh Bắc Ninh

Làng nghề ở Bắc Ninh hình thành và phát triển từ lâu đời, hoạt động ở hầu hết các ngành kinh tế chủ yếu. GTSX của các làng nghề tăng nhanh, luôn chiếm từ 75-80% GTSX công nghiệp ngoài quốc doanh và khoảng 30% GTSX công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Đến năm 2024 tỉnh đã quy hoạch và đầu tư xây dựng 21 cụm công nghiệp làng nghề. Hiện nay, toàn tỉnh có 62 làng nghề và đặc biệt là có những làng nghề phát triển rất mạnh như làng nghề sản xuất sắt thép Đa Hội và Trịnh Xá (xã Châu Khê, Từ Sơn), làng nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (xã Đồng Quang, Từ Sơn), xã Phong Khê. Để phát triển làng nghề, Bắc Ninh đã có một số giải pháp:

Sau ngày tái lập tỉnh, Tỉnh uỷ Bắc Ninh đã ban hành nhiều nghị quyết chỉ đạo việc xây dựng, phát triển làng nghề, ngành nghề TTCN như: Nghị quyết 04-NQ/TU về phát triển làng nghề TTCN (1998); Nghị quyết số 12- NQ/TU về: “Xây dựng và phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp - TTCN”(2020), Nghị quyết 02-NQ/TU về xây dựng và phát triển KCN, cụm công nghiệp đa nghề và làng nghề (5-2001);... UBND tỉnh có Quyết định 87/2024/QĐ-UB về quy chế quản lý, sử dụng quỹ khuyến công ...

Quy hoạch tạo mặt bằng cho sản xuất, xây dựng mô hình khu công nghiệp làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường. Khuyến khích phát triển các cụm công nghiệp làng nghề và đa nghề nhằm quy hoạch lại các cơ sở sản xuất, nâng lên quy mô lớn. Tỉnh đã có chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất trong khu công nghiệp: miễn tiền thuê đất trong 10 năm liền và giảm 50% cho những năm tiếp theo hoặc được miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, được xét hỗ trợ thêm 10-30% giá trị

đền bù thiệt hại về đất (nếu có).

Ưu tiên sử dụng quỹ khuyến công cho các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, nhất là chương trình nhân cấy nghề mới. Thực hiện nhiều chương trình hỗ trợ cho các làng nghề về các lĩnh vực như vốn, thị trường, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực...

Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Quyết định số 193/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, hộ sản xuất trong các làng nghề. Quan tâm, hỗ trợ các doanh nghiệp làng nghề đổi mới thiết bị công nghệ, kết hợp cổ truyền với hiện đại.

Thành lập và tạo điều kiện cho hoạt động các hội, hiệp hội nghề nghiệp theo nhóm sản phẩm, tạo liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với nhau, giữa người sản xuất, cung ứng nguyên liệu với những người chế biến, tiêu thụ để thống nhất định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương và các tổ chức nước ngoài, huy động nguồn đóng góp của các tổ chức kinh tế trong nước hỗ trợ các chương trình, dự án giải quyết ô nhiễm môi trường trong các làng nghề. Ngoài chính sách của tỉnh, các huyện còn có những giải pháp riêng hỗ trợ làng nghề phát triển. Huyện Từ Sơn chủ trương phát triển kinh tế dựa trên những làng nghề sẵn, xây dựng 2 cụm công nghiệp làng nghề là cụm sắt thép Châu Khê và cụm đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Quang, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng 4 cụm công nghiệp làng nghề và đa nghề: sắt Đa Hội, đồ gỗ cao cấp Đồng Ky. Huyện Thuận Thành vừa duy trì hoạt động các ngành nghề truyền thống, vừa xây dựng một số chương trình, đề án như xây dựng cụm công nghiệp Dâu, phát triển dâu tơ tằm,...

1.5.1.3. Thành phố Hà Nội

Theo thống kê của Sở Công thương thành phố Hà Nội, từ năm 2020- 2024 số lượng làng nghề của Hà Nội đã tăng mạnh từ 1.280- 1.350 làng. Trong đó, 250 làng thuần nông được cấy nghề và hiện nay các nghề này vẫn được duy trì và phát triển.

Giá trị sản xuất của khu vực làng nghề ngày càng tăng. Năm 2024, giá trị sản xuất của khu vực làng nghề dự kiến đạt 14.000 tỷ đồng. Có những làng nghề vượt

mức trăm tỷ như: Làng nghề dệt kim La Phù (Hoài Đức) đạt 810 tỷ đồng/năm; gồm Bát Tràng 360 tỷ đồng/năm; chế biến nông sản thực phẩm Minh Khai (Hoài Đức) 179 tỷ đồng/năm,.....

Sự phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng của khu vực làng nghề ở Hà Nội là có sự hậu thuẫn mạnh mẽ từ chính quyền thành phố. UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND, ngày 04/8/2024 quy định về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội thay thế Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 02/05/2018 về chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; quy định cụ thể về: Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp; hỗ trợ xúc tiến thương mại; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề. Chính sách bao gồm:

Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp.

Hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu làng nghề: Đáng chú ý là hỗ trợ các làng nghề được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận, có trong kế hoạch và dự toán thực hiện hàng năm xây dựng thương hiệu làng nghề 100% kinh phí (không quá 100 triệu đồng/01 làng nghề/01 nội dung) để thực hiện các nội dung: đào tạo, tập huấn kiến thức về xây dựng và quảng bá thương hiệu;....

Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng làng nghề: về hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường; hỗ trợ xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề.

1.5.2. Một số bài học rút ra từ sự phát triển làng nghề của một số tỉnh cho tỉnh Hải Dương

Thứ nhất, phải quán triệt sâu sắc vị trí, vai trò của phát triển làng nghề đối với quá trình phát triển kinh tế của mỗi địa phương, coi ngành nghề nông thôn và làng nghề là một nội dung phát triển kinh tế quan trọng.

Thứ hai, muốn phát triển nghề, làng nghề có hiệu quả trước hết phải có sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước bằng việc ban hành những cơ chế chính sách, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; hỗ trợ về tài chính và tiếp cận nguồn vốn, trong đó cần có cơ chế, chính sách cho các hộ tại làng nghề vay vốn không cần thế chấp; đồng thời có chính sách đồng bộ về vùng cung cấp nguyên liệu.

Thứ ba, chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động, khuyến khích tư nhân và các tổ chức xã hội mở cơ sở đào tạo nghề cho nông dân.

Thứ tư, phải xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề và tổ chức tốt công tác triển khai thực hiện quy hoạch.

Thứ năm, thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, các hộ sản xuất trong các làng nghề đối với thế chấp không đủ điều kiện theo yêu cầu của các ngân hàng thương mại nhà nước.

Thứ sáu, quan tâm, hỗ trợ các doanh nghiệp làng nghề đổi mới thiết bị công nghệ, kết hợp cổ truyền với hiện đại.

Thứ bảy, thành lập và tạo điều kiện cho hoạt động các hội, hiệp hội nghề nghiệp theo nhóm sản phẩm, tạo liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất với nhau, giữa người sản xuất, cung ứng nguyên liệu với những người chế biến, tiêu thụ để thống nhất định hướng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tránh cạnh tranh không lành mạnh.

Thứ tám, kết hợp phát triển du lịch với làng nghề

Thứ chín, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng

Thứ mười, ngoài các chính sách của tỉnh thì các huyện, thành, thị và xã phải có những giải pháp của riêng mình hỗ trợ làng nghề phát triển.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã trình bày cơ sở lý luận về làng nghề và phát triển làng nghề trên địa bàn cấp tỉnh gồm khái niệm, vai trò, phân loại và nội dung phát triển làng nghề, các nhân tố ảnh hưởng và các tiêu chí đánh giá kết quả phát triển làng nghề trên các khía cạnh kinh tế, môi trường, xã hội. Đề án cũng nghiên cứu Kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số tỉnh như Thái Bình, Bắc Ninh, Hà Nội, từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương. Việc nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn ở chương 1 làm cơ sở nền tảng vững chắc để nghiên cứu Chương 2 và Chương 3 của đề án này.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội

a) Về điều kiện tự nhiên

Hải Dương nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; gần thủ đô Hà Nội - trung tâm kinh tế của cả nước, nên có điều kiện phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Diện tích tự nhiên của tỉnh Hải Dương là 1.656,0 Km². Hải Dương được chia làm 2 vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng. Vùng đồi núi nằm ở phía bắc tỉnh, chiếm 11% diện tích tự nhiên, phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và cây công nghiệp ngắn ngày. Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất màu mỡ, thích hợp với nhiều loại cây trồng, sản xuất được nhiều vụ trong năm.

b) Về đặc điểm kinh tế:

Tình hình kinh tế của tỉnh giai đoạn 2021 – 2024, ước tính năm 2025: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2021 tăng 9,3%, năm 2022 tăng 5,3%, năm 2023 tăng 7,3%; năm 2024 tăng 7,7%, ước tính năm 2025 tăng 7,5%, bình quân 5 năm (2021- 2025) tăng 7,4% (giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân 9,8%).

Kết cấu hạ tầng nông thôn trong những năm qua có nhiều cải thiện. Thông qua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nhiều vùng nông thôn được đổi mới mạnh mẽ. Dự kiến đến hết năm 2025, có 100% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới về: cơ sở vật chất trường học, cơ sở vật chất văn hóa,...

c) Về đặc điểm xã hội:

Dân số trung bình của Hải Dương năm 2024 là 1.763 ngàn người, chủ yếu là dân tộc kinh. Mật độ dân số Hải Dương cao so với các tỉnh trong cả nước (1.065 người/km²), gần 80% dân số Hải Dương sống ở khu vực nông thôn, là tỉnh có tỷ lệ

dân số nông thôn cao trong cả nước, với diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.

Trên địa bàn tỉnh hiện có các trường đại học: Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Đại học Hải Dương, Đại học Sao Đỏ và các trường cao đẳng: Cao đẳng Dược, Cao đẳng Nghề, Cao đẳng Khách sạn - Du lịch cùng với nhiều trung tâm dạy nghề ở các huyện, hàng năm đào tạo khoảng 11.000 - 12.000 lao động kỹ thuật.

d) Tiềm năng du lịch: Tổng lượt khách du lịch năm 2025 ước đạt 3,125 triệu lượt khách, giai đoạn 2021-2025 số lượng khách du lịch ước tính tăng bình quân 7,2%/năm; trong đó khách quốc tế tăng 5,3%/năm. Đáng chú ý là tỉnh có một số điểm du lịch có thể khai thác giới thiệu sản phẩm làng nghề như: Côn Sơn- Kiếp Bạc; Đảo Cò, Gốm Chu Đậu,...

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

a) Thuận lợi

Hải Dương có hệ thống giao thông đa dạng và kết cấu hạ tầng đã có nhiều tiến bộ,... tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, vận chuyển hàng hoá trong và ngoài nước.

Đất đai, khí hậu của Hải Dương phù hợp cho việc phát triển các cây nguyên liệu cho phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Tài nguyên khoáng sản thiên nhiên của Hải Dương phong phú, đa dạng, trong đó có nhiều loại phù hợp với phát triển nghề với trữ lượng lớn (như vật liệu xây dựng) là nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển nghề.

Kinh tế Hải Dương trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả tiến bộ. Nhiều khu, cụm công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả; đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực,... là tiền đề để phát triển các ngành, nghề dịch vụ khác.

Lực lượng lao động ở khu vực nông thôn của Hải Dương khá dồi dào. Sau nhiều năm thực hiện chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, trong sự giao lưu kinh tế - xã hội mở rộng, người Hải Dương đã tiếp thu được nhiều tư duy kinh tế mới,

khắc phục được những yếu điểm của tư duy kinh tế truyền thống, một số người đã mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất.

Có tiềm năng phát triển du lịch, có thể kết hợp phát triển du lịch làng nghề và phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, gốm sứ.

Có các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề, tạo điều kiện đào tạo, cung cấp lao động quản lý và lao động kỹ thuật.

b) Khó khăn

Những năm qua, cùng với quá trình đô thị hóa và sự phát triển mạnh của công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh; nên dịch vụ xây dựng và các hoạt động gia công, lắp ráp, hàng may mặc, giày da, linh kiện điện tử.v.v. đã thu hút lực lượng lao động rất lớn. Việc duy trì, mở rộng làng nghề gặp trở ngại nhất định.

Hạ tầng kỹ thuật tối thiểu tại các điểm TTCN, khu vực sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh hầu hết chưa được xây dựng; phần lớn các làng nghề tổ chức sản xuất tự phát.v.v. là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng nông thôn còn thấp kém; đường giao thông nhỏ hẹp; hệ thống cấp thoát nước, dịch vụ văn hoá - xã hội còn khó khăn, làm hạn chế lớn đến phát triển làng nghề.

Người dân có điều kiện để phát triển các nghề như trồng trọt, chăn nuôi, áp lực tìm kiếm các nghề khác để làm kế sinh nhai không lớn. Trong khi đó thu nhập bước đầu của ngành nghề nông thôn thường là thấp, chưa thực sự cạnh tranh nên chưa hấp dẫn người dân tìm kiếm, mở mang các ngành nghề khác.

Các chương trình dạy nghề chưa đổi mới, chưa phù hợp với điều kiện phát triển nghề, chưa gắn kết với sản xuất.

2.2. Thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024

2.2.1. Thực trạng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Các thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề của Hải Dương trong những năm

gần đây (2021-2024) khá đa dạng, bao gồm cả thị trường trong nước và quốc tế.

Đối với thị trường trong nước, sản phẩm làng nghề của Hải Dương được tiêu thụ mạnh tại một số khu vực/:

(1) Hà Nội: Là thị trường lớn tiêu thụ các sản phẩm OCOP, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm truyền thống như bánh đậu xanh, giò chả, gỏi Chu Đậu.

(2) Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng: Các trung tâm thương mại lớn với nhiều hệ thống siêu thị (Vinmart, Coopmart, Big C...) đã phân phối sản phẩm như giày da, đồ gỗ mỹ nghệ, vải thiều.

(3) Các tỉnh lân cận như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên: Đặc biệt qua các phiên chợ nông sản, hội chợ xúc tiến thương mại liên vùng.

(4) Các chuỗi siêu thị, sàn thương mại điện tử: Sản phẩm OCOP và làng nghề được tiêu thụ qua Tiki, Shopee, Lazada, Postmart, Voso...

Thị trường tiêu thụ quốc tế: Hiện nhiều sản phẩm làng nghề của Hải Dương đã xuất khẩu ra thị trường nước ngoài:

(1) Thị trường Châu Á gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, chủ yếu tiêu thụ vải thiều Thanh Hà, nông sản sấy, giò chả, hàng thủ công mỹ nghệ.

(2) Thị trường Châu Âu gồm: Đức, Pháp, Hà Lan, Ba Lan, các sản phẩm làng nghề xuất khẩu sang thị trường này tiêu biểu như gỏi Chu Đậu, chổi chít Mật Sơn, hàng thủ công.

(3) Thị trường Mỹ, Canada: Các sản phẩm thực phẩm đặc sản (bánh đậu xanh, long nhãn), gỏi sứ xuất khẩu.

(4) Thị trường Australia và New Zealand: Chủ yếu là vải thiều và hàng mỹ nghệ truyền thống.

2.2.2. Thực trạng nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề

Sản phẩm của các làng nghề ở Hải Dương khá phong phú, đa dạng, gồm: mộc dân dụng, chạm khắc gỗ mỹ nghệ, cơ khí, mây giang xiên, thêu ren, chế biến nông sản thực phẩm, gỏi sứ, làm hương... Các làng nghề phát triển trên cơ sở các nghề truyền thống chiếm tỷ trọng lớn, nhóm ngành nghề du nhập mới chủ yếu là nghề: sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hương,... Tổng số cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia các hoạt động sản xuất trong làng nghề là 5.046 cơ sở. Trong đó được chia cụ thể

như sau: Nhóm làng nghề mộc (mộc dân dụng, mộc đình chùa, đồ gỗ mỹ nghệ, điêu khắc): 16 làng, đây là nhóm nghề phát triển mạnh ở Hải Dương (nổi bật là làng nghề chạm khắc gỗ Đông Giao, mộc Cúc Bồ); Nhóm ngành nghề xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn có 12 cơ sở, chiếm 0,2% tập trung chủ yếu ở huyện Tứ Kỳ; Nhóm ngành chế biến, bảo quản nông sản thực phẩm: 10 làng nghề, 545 cơ sở chiếm 10,8% tổng số cơ sở; Nhóm ngành sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có 980 cơ sở, chiếm 19,4% nghề; Nhóm ngành nghề sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 154 cơ sở, chiếm 3%; Nhóm ngành nghề dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn có 485 cơ sở, chiếm 9,6%; Nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ: 43%.

Về **nâng cao chất lượng sản phẩm**, nhiều làng nghề truyền thống như **Gôm Chu Đậu, thêu Xuân Nổ, chổi chít Mật Sơn, mộc Đông Giao...** đã áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất: sử dụng máy móc hiện đại, vật liệu cải tiến. Tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, sản xuất sạch hơn, kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm thủ công. Bên cạnh đó, còn hạn chế phần lớn làng nghề vẫn sản xuất theo phương thức thủ công, quy mô hộ gia đình, **thiếu vốn đầu tư** cho đổi mới công nghệ. **Chưa có hệ thống kiểm định chất lượng đồng bộ**, khó xây dựng lòng tin từ thị trường trong và ngoài nước.

Về **phát triển thương hiệu sản phẩm làng nghề**: Trong thời gian qua, tỉnh Hải Dương đã hỗ trợ đăng ký bảo hộ **sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý** cho một số sản phẩm tiêu biểu như: Gôm Chu Đậu (Nam Sách); Bánh đậu xanh Hải Dương; Vàng bạc Châu Khê (Bình Giang). Đưa sản phẩm làng nghề tham **gia chương trình OCOP**: nhiều sản phẩm làng nghề được xếp hạng 3–4 sao, giúp nâng cao giá trị thương hiệu. Tính đến 2024, Hải Dương có hơn **260 sản phẩm OCOP**, trong đó có nhiều sản phẩm từ làng nghề truyền thống. Tuy vậy **thương hiệu còn yếu**, chưa được đầu tư bài bản về thiết kế bao bì, nhãn mác, nhận diện thương hiệu. Doanh nghiệp làng nghề **thiếu năng lực marketing**, truyền thông và kết nối thị trường.

Về **đa dạng hoá sản phẩm**: Một số làng nghề đã **cải tiến mẫu mã, tích hợp công nghệ** để tạo ra sản phẩm mới: Gôm Chu Đậu chuyển từ sản phẩm truyền thống sang trang trí cao cấp, quà tặng; Bánh đậu xanh có thêm nhiều dòng sản phẩm phục

vụ thị trường trẻ: ít ngọt, bổ sung trà xanh, khoáng chất...; Sản phẩm làng nghề đã được đưa lên các sàn Shopee, Tiki, Voso, Postmart, giúp tiếp cận nhiều phân khúc người tiêu dùng hơn. Tuy nhiên **sáng tạo sản phẩm còn hạn chế**, phần lớn dựa vào mẫu cũ, thiếu sự đầu tư nghiên cứu thị trường; **Thiếu nguồn lực thiết kế, đổi mới sáng tạo** trong các làng nghề thủ công truyền thống.

Mặc dù có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm, nhưng các làng nghề ở Hải Dương vẫn đang đối mặt với thách thức lớn về: Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; Thiếu liên kết chuỗi giá trị; Năng lực đổi mới sáng tạo còn yếu.

2.2.3. Thực trạng phát triển kênh phân phối sản phẩm làng nghề

Tỉnh Hải Dương đã và đang phát triển đa dạng các kênh phân phối để tiêu thụ sản phẩm làng nghề, nhằm mở rộng thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm. Dưới đây là các kênh phân phối chính:

(1) Kênh phân phối sản phẩm làng nghề qua các sàn thương mại điện tử (TMĐT)

Hải Dương đã tích cực đưa sản phẩm làng nghề lên các sàn TMĐT lớn như Voso, Lazada, VnPost, với hơn 1.100 sản phẩm được quảng bá trực tuyến. Tỉnh hiện đứng thứ 7 cả nước về số lượng giao dịch trên các sàn TMĐT, với hơn 41.000 lượt giao dịch thực hiện. Đặc biệt, thị xã Kinh Môn đã có 25 sản phẩm OCOP được công nhận, trong đó nhiều sản phẩm đã được đưa lên các sàn TMĐT và ứng dụng công nghệ số trong xúc tiến thương mại.

(2) Hội chợ và triển lãm sản phẩm làng nghề

Sản phẩm làng nghề Hải Dương thường xuyên tham gia Hội chợ và triển lãm. Tại Hội chợ Làng nghề lần thứ 20 năm 2024 có 100 gian hàng tiêu chuẩn với sự tham gia của gần 100 đơn vị, doanh nghiệp cả nước như: Hà Nội, Hải Dương, Bắc Giang, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Phú Thọ, Tây Ninh, Tiền Giang, Nghệ An, Yên Bái, Bắc Ninh, Hà Nam... Tham gia Hội chợ, Hải Dương trưng bày, giới thiệu nhiều sản phẩm làng nghề tiêu biểu và sản phẩm OCOP như: đồ gỗ mỹ nghệ Đông Giao, gốm sứ Chu Đậu, vàng bạc Châu Khê, bánh đậu xanh Hoàng Gia (OCOP 5 sao), mật ong,

gạo nếp, rươi, bột sắn dây, bánh gai... Gian hàng của tỉnh Hải Dương được đánh giá có nhiều sản phẩm phong phú, chất lượng, thu hút nhiều lượt khách thăm quan và mua bán.



Gian hàng trưng bày của tỉnh Hải Dương (từ 3-6/10/2024)

(3) Hệ thống siêu thị và cửa hàng tiện lợi

Sản phẩm làng nghề Hải Dương đã được bày bán tại nhiều hệ thống siêu thị lớn, giúp tăng khả năng tiếp cận với người tiêu dùng. Chất lượng sản phẩm được người tiêu dùng đánh giá cao, dẫn đến sản lượng tiêu thụ tăng khoảng 40% so với trước.

(4) Livestream bán hàng

Các doanh nghiệp và hộ sản xuất làng nghề đã áp dụng hình thức livestream bán hàng trên nền tảng như TikTok để giới thiệu và bán sản phẩm trực tiếp đến người tiêu dùng. Hình thức này giúp mở rộng thị trường và tăng cường tương tác với khách hàng.

(5) Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP)

Tỉnh Hải Dươn đang triển khai hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), trong đó tập trung xây dựng sản phẩm nghề truyền thống thành sản phẩm

OCOP. Hoạt động trải nghiệm nghề truyền thống chính là giải pháp để truyền tải thông điệp về câu chuyện sản phẩm OCOP.

Nghề làm hương ở xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách (tỉnh Hải Dương) đã có tuổi đời hàng trăm năm. Cả 3 thôn của xã gồm An Xá, Đông Thôn và Trục Trì đều đã được công nhận là làng nghề truyền thống. Nghề làm hương đã tạo việc làm và thu nhập cho người dân trên địa bàn, đồng thời đóng góp cho sự phát triển chung của xã. Hiện toàn xã có 48 hộ làm hương với khoảng 1.200 lao động, trong đó gần 50% số người ngoài độ tuổi lao động. Thu nhập bình quân đạt 5 triệu đồng/người/tháng.

Nghề làm hương đã mang lại nguồn thu nhập cao cho người dân và cũng làm thay đổi diện mạo làng xã. Nắm bắt được nhu cầu thị trường về loại hương truyền thống ngày càng lớn, nhiều hộ đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất số lượng lớn, đồng thời lưu giữ những bí quyết gia truyền. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế hội nhập, một số hộ đã nắm bắt cơ hội chuyển từ sản phẩm thủ công của làng nghề truyền thống sang sản phẩm OCOP, giúp hương thơm Quốc Tuấn vươn xa hơn trên thị trường.

Giống như Quốc Tuấn, làng giày da Hoàng Diệu (Gia Lộc) có tới 500 năm tuổi nghề. Năm 2004 và 2005, UBND tỉnh Hải Dương đã cấp bằng công nhận danh hiệu làng nghề truyền thống cho cả 4 làng Phong Lâm, Trúc Lâm, Văn Lâm và Nghĩa Hy. Từ đây đã tạo động lực cho những người làm nghề chuyên tâm sản xuất và gìn giữ nghề truyền thống. Đến nay, làng nghề có hàng trăm hộ gia đình, doanh nghiệp tham gia sản xuất giày da, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động.

Việc công nhận sản phẩm làng nghề đạt chứng nhận OCOP là cơ hội để các chủ thể phát huy những giá trị văn hóa, lịch sử địa phương, đồng thời nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn. Nhiều sản phẩm của làng nghề trong tỉnh tham gia Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) và đã đạt chứng nhận như rượu Phú Lộc, vàng bạc Châu Khê, gôm Cây, bánh đa Hội Yên, chổi chít Mật Sơn...

Chương trình OCOP đã giúp nâng cao giá trị và thương hiệu cho sản phẩm làng nghề. Nhiều sản phẩm đã được công nhận OCOP, như giày da Hoàng Diệu (Gia Lộc), mộc Đông Giao (Cẩm Giàng), rượu Phú Lộc (Cẩm Giàng), hương thơm Quốc Tuấn (Nam Sách), vàng bạc Châu Khê (Bình Giang), gôm Cây (Bình Giang), bánh đa Hội Yên (Thanh Miện), bánh đa Tào Khê (Thanh Miện), thêu Xuân Nẻo (Tứ Kỳ),

bánh đa Lộ Cương (TP Hải Dương), chổi chít Mật Sơn (TP Chí Linh), làng nghề Mạn Đê (Nam Sách). Việc công nhận OCOP giúp sản phẩm được thị trường biết đến rộng rãi hơn và tăng khả năng tiêu thụ.

(6) Liên kết chuỗi giá trị và hợp tác xã

Hải Dương đã xây dựng 37 chuỗi liên kết trong trồng trọt và chăn nuôi, 418 mô hình tổ, nhóm, hợp tác xã liên kết sản xuất nông sản an toàn theo chuỗi giá trị. Thông qua những chuỗi liên kết này, sản phẩm làng nghề được tiêu thụ ổn định và bền vững hơn. Nhìn chung, Hải Dương đã và đang phát triển đa dạng các kênh phân phối để tiêu thụ sản phẩm làng nghề, từ thương mại điện tử, hội chợ, siêu thị, livestream bán hàng, đến chương trình OCOP và liên kết chuỗi giá trị. Những nỗ lực này không chỉ giúp nâng cao giá trị sản phẩm mà còn góp phần phát triển kinh tế nông thôn và bảo tồn văn hóa truyền thống.

1.2.4. Thực trạng xúc tiến truyền thông sản phẩm làng nghề

Tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế: Hội chợ OCOP vùng và quốc gia: Hải Dương thường xuyên tham dự các hội chợ OCOP tại Hà Nội, Quảng Ninh, Lào Cai... giới thiệu sản phẩm đặc sản làng nghề như bánh đậu xanh, long nhãn, gỏi Chu Đậu, đồ gỗ mỹ nghệ; Hội chợ Quốc tế thương mại Việt Nam (VIETNAM EXPO): một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ, gốm sứ và thực phẩm chế biến của làng nghề Hải Dương được trưng bày và kết nối với nhà nhập khẩu nước ngoài; Tuần hàng Việt tại các siêu thị lớn (Big C, AEON, GO!...): quảng bá sản phẩm làng nghề đến người tiêu dùng đô thị.

Hỗ trợ đưa các sản phẩm làng nghề lên các sàn thương mại điện tử: Tỉnh Hải Dương phối hợp với Bưu điện tỉnh và Viettel Post đưa sản phẩm làng nghề lên các sàn: Postmart.vn, Voso.vn, Shopee, Tiki, Lazada. Đến năm 2024, đã có hơn 150 sản phẩm làng nghề và OCOP được phân phối qua các kênh thương mại điện tử.

Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu: **Hội nghị xúc tiến thương mại giữa Hải Dương và các tỉnh phía Bắc thường niên, giúp các cơ sở làng nghề tìm được đối tác phân phối; Chương trình kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP giữa Hải Dương với TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, mở rộng đầu ra cho các sản phẩm truyền thống.**

Xây dựng các điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP và sản phẩm làng nghề: Hải Dương đã thành lập nhiều **điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề** tại: Trung tâm hỗ trợ nông dân tỉnh; Trung tâm xúc tiến thương mại và du lịch tỉnh; Một số khu du lịch, chợ đầu mối trong tỉnh. Các điểm này giúp **giới thiệu sản phẩm trực tiếp tới khách du lịch, doanh nghiệp và nhà phân phối.**

2.2.5. Thực trạng phát triển đội ngũ làm nghề và quy mô làng nghề

2.2.5.1. Phát triển đội ngũ làm nghề

Số lượng lao động làm nghề. Hiện nay, các làng nghề ở Hải Dương đã thu hút khoảng 22.000 lao động thường xuyên, tăng khoảng 1% so với năm 2023. Trước đó, vào năm 2023, số lao động làm việc tại các làng nghề là hơn 12.600 người. Lao động tại các làng nghề có thu nhập ổn định từ 4 đến 8 triệu đồng/người/tháng. Huyện Bình Giang có số lao động làm việc tại các làng nghề nhiều nhất tỉnh với gần 2.900 người, tiếp đến là các huyện Gia Lộc, Nam Sách, Cẩm Giàng.

Về đội ngũ làm nghề: Lao động tại các làng nghề chủ yếu được học nghề thông qua truyền nghề và kèm cặp trong sản xuất, chưa được đào tạo bài bản. Tuy nhiên, một số làng nghề như Nghĩa Hy (Hoàng Diệu, Gia Lộc) và Phú Lộc (Cẩm Giang) đã có những cải thiện đáng kể trong công tác bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Lao động trẻ ở các làng nghề ngày càng giảm do thu nhập không cao bằng làm công nhân trong doanh nghiệp, ảnh hưởng đến việc duy trì và phát triển nghề truyền thống.

Về lao động làm việc tại làng nghề

Trong những năm qua, số lượng lao động trong các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương tăng lên đáng kể, được thể hiện qua Bảng 2.1 dưới đây:

Bảng 2.1: Số lượng lao động các làng nghề trên địa bàn tỉnh

DVT: người

Nhóm làng nghề	Số lượng lao động				Tăng/ giảm					
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2022/2021		2023/2022		2024/2023	
					SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Làng nghề mộc	2.838	2.856	2.934	2.976	18	0,6	78	2,7	42	1,4

Làng nghề kim hoàn	1.263	1.329	1.434	1.566	66	5,2	105	7,9	132	9,2
Làng nghề thêu ren	2.505	2.565	2.583	2.676	60	2,4	18	0,7	93	3,6
Làng nghề SX hương	939	930	918	910	-9	-1,0	-12	-1,3	-8	-0,9
Làng nghề giấy da	2.244	2.289	2.358	2.451	45	2,0	69	3,0	93	3,9
Làng nghề mây tre đan	1.848	1.502	1.487	1.452	-346	-18,7	-15	-1,1	-35	-2,4
Làng nghề lược bí	849	873	906	960	24	2,8	33	3,8	54	6,0
Làng nghề chiếu cói	1.431	1.506	1.497	1.488	75	5,2	-9	-0,6	-9	-0,6
Tổng số	13.920	13.850	14.120	14.479	-67	-0,5	267	1,9	362	

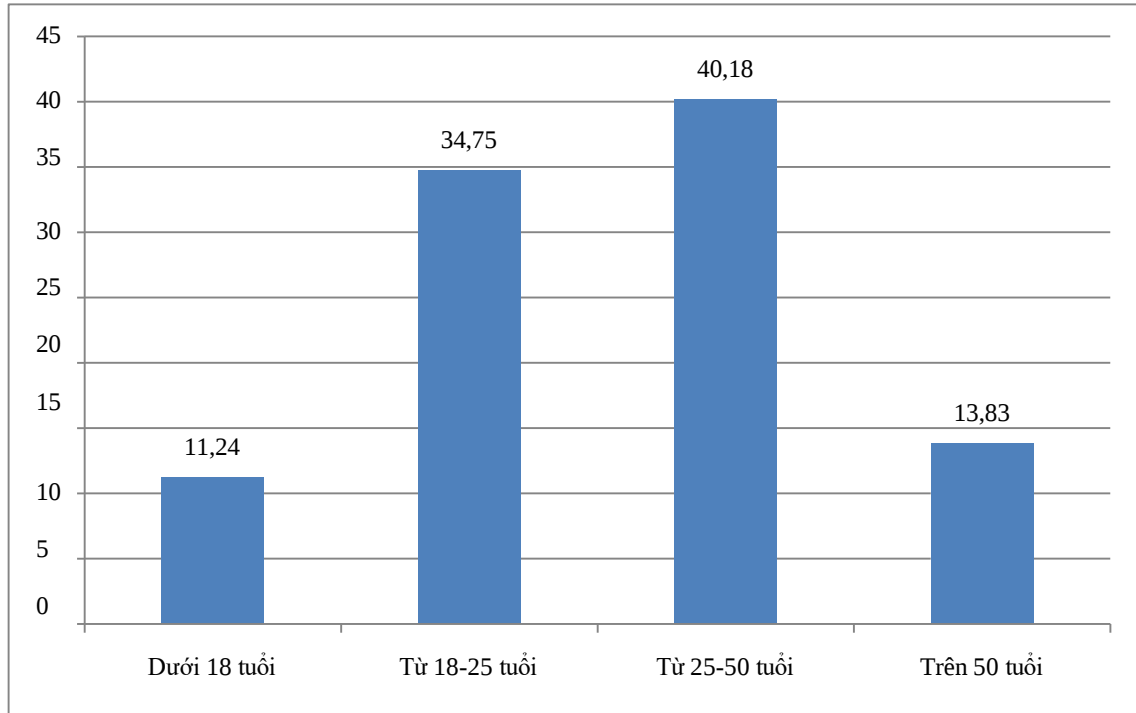
Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024

Năm 2021 tổng số lao động tại các làng nghề là 13.920 người, năm 2022 tổng số lao động tăng lên là 13.850 người giảm 67 người so với năm 2021 tương ứng 0,5%, sang năm 2023 tổng số lao động lại tăng thêm 267 người đạt mức 14.120 người tương ứng với tỷ lệ tăng là 1,9%, sang tới năm 2024 thì tổng số lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh là 14.479 tiếp tục tăng 362 người so với năm 2023 tương đương với tỷ lệ tăng là 2,5%. Xét thấy lao động tại một số nhóm nghề đang giảm dần, nguyên nhân của sự giảm sút ở đây là do thu nhập còn thấp và đặc thù của những nhóm nghề này yêu cầu sự khéo léo mà lao động nông thôn khó có thể đáp ứng. Chính vì thế cần sự quan tâm hơn nữa của cấp lãnh đạo tỉnh về chính sách đào tạo dạy nghề nâng cao chất lượng tay nghề của lao động.

Về cơ cấu lao động tại các làng nghề: Theo kết quả khảo sát, đa số lao động tại các làng nghề là tập trung từ 18-50 tuổi, còn sức khoẻ tốt, chỉ có khoảng 14% số lao động sản xuất có tuổi trên 50 tuổi. Tỷ lệ lao động cao tuổi làm việc tại các làng nghề tùy thuộc vào công việc và đòi hỏi trình độ tay nghề cao và sức khoẻ. Lao động ở lứa tuổi vị thành niên ở các làng nghề chiếm 11,24% tổng số lượng lao động, lượng lao động này chủ yếu sống bằng làm nghề và nếu tính thêm con số vừa làm thêm nghề vừa đi học thì tỷ lệ người lao động trong độ tuổi này khá lớn. Có thể thấy làng nghề phát triển đã tạo ra được một lượng việc làm lớn, không

đòi hỏi cao về trình độ nên sẽ tạo điều kiện nâng cao thu nhập của hộ gia đình tại làng nghề.

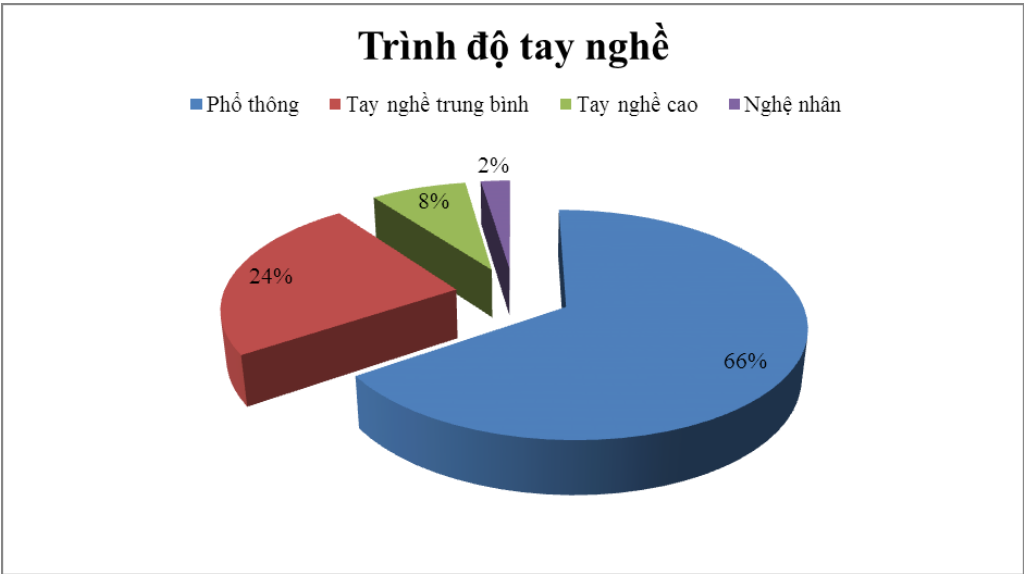
Hình 2.1: Cơ cấu dân số tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương



Nguồn: Khảo sát của tác giả 12/2024

Về trình độ tay nghề lao động tại các làng nghề: Qua khảo sát, tại các làng nghề cho thấy số lượng lao động có trình độ phổ thông và tay nghề trung bình chiếm đa số trong các làng nghề. Số lao động có tay nghề cao chỉ chiếm 8% trong tổng số lao động (có trên 20 năm kinh nghiệm) và những người được coi là bậc thầy của nghề trong làng-những nghệ nhân-chiếm một tỷ lệ khiêm tốn là 2%. Trên thực tế, tỷ lệ trên cũng có biến động theo đặc tính của từng nghề. Những nghề đòi hỏi có tay nghề cao như đục chạm gỗ, thêu ren thì tỷ lệ thợ thành nghề có thể lên đến hơn 15% đối với những nghề đơn giản thì chỉ chiếm khoảng 5%. Điều này có thể dẫn đến sự thiếu hụt của lực lượng nghệ nhân, những người có kinh nghiệm sáng tạo ra sản phẩm mới.

Hình 2.2: Trình độ lao động tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương



Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024

Về đào tạo nguồn nhân lực làng nghề: Do những khó khăn trong khâu thống kê về số lượng lao động đào tạo tay nghề tại các cơ sở, do đó, trong nghiên cứu này, tác giả chỉ xem xét đến công tác đào tạo đối với các đối tượng là lãnh đạo các cơ sở sản xuất và doanh nghiệp tại các làng nghề. Hiện trạng đào tạo nguồn nhân lực là các lãnh đạo các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 2.2: Đào tạo nguồn nhân lực tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2024

STT	Nghịệp vụ đào tạo	Số lượng lãnh đạo được đào tạo	
		Nhóm tự đào tạo	Nhóm được hỗ trợ đào tạo
1	Nghịệp vụ quản lý	65	35
2	Nghịệp vụ kinh doanh	55	26
3	Nghịệp vụ marketing	48	14
4	Kỹ năng mềm	23	8
	Tổng	191	83

Nguồn: Khảo sát của tác giả 12/2024

Qua Bảng 2.2 ta thấy việc đào tạo nghiệp vụ cho lãnh đạo tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương còn rất ít và chủ yếu là các nhóm tự đào tạo. Cụ thể năm 2024 số lượng lãnh đạo được đào tạo theo hình thức tự đào tạo là 191 người, còn số lượng lãnh đạo được hỗ trợ đào tạo là 83 người. Bên cạnh đó về các nghiệp vụ được đào tạo chưa được đa dạng và thiết thực, mới chỉ có sự đào tạo về nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, marketing, kỹ năng mềm. Từ những hiện trạng trên, UBND tỉnh Hải Dương cần ban hành những chính sách về hỗ trợ đào tạo cho nguồn nhân lực tại các làng nghề, mở rộng hơn các nghiệp vụ đào tạo. Chỉ có như thế thì mới có thể phát triển các làng nghề một cách bền vững.

2.2.5.2. Về quy mô làng nghề

a) Số lượng làng nghề

Tính đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 65 làng nghề được UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu làng nghề (*danh sách 65 làng nghề xem phụ lục 03*). Trong đó năm 2021, UBND tỉnh cấp bằng công nhận làng nghề cho 05 làng; năm 2023 công nhận 04 làng nghề và năm 2024 hoàn thiện thủ tục xét công nhận 02 làng nghề mới. Các làng nghề mới được công nhận chủ yếu là làng nghề mới du nhập và phát triển.

**Bảng 2.3. Số lượng làng nghề và đội ngũ làm nghề đến 2024
của tỉnh Hải Dương**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	Tổng số làng nghề được công nhận	Làng	65
	Trong đó Làng nghề truyền thống	Làng	34
2	Tổng số nghệ nhân	Người	35
3	Tổng số hộ làm nghề trong các làng	Hộ	5.000
4	Tổng số lao động làm việc trong các cơ sở sản xuất của các làng nghề	Người	22.000
5	Doanh thu của các làng nghề	Triệu đồng	2.124.866
6	Doanh thu bình quân/1 cơ sở sản xuất nghề	Triệu đồng	594,2

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương

b) Giá trị sản xuất của làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Bảng 2.4: Giá trị sản xuất của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Số TT	Nhóm làng nghề	Giá trị sản xuất (tỷ đồng)				Tăng/ giảm					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2022/2021		2023/2022		2024/2023	
						ST	Tỷ lệ (%)	ST	Tỷ lệ (%)	ST	Tỷ lệ (%)
1	Làng nghề mộc (5 làng)	59,0	71,8	86,5	97,5	12,8	22	14,7	20	11,0	13
2	Làng nghề kim hoàn (8 làng)	62,1	76,7	94,6	113,4	14,6	24	17,8	23	18,8	20
3	Làng nghề thêu ren (05 làng)	31,3	34,3	41,9	51,1	3,0	10	7,5	22	9,2	22
4	Làng nghề SX hương (04 làng)	24,1	25,1	26,7	28,1	1,0	4	1,7	7	1,4	5
5	Làng nghề giấy da (5 làng)	55,2	61,9	68,3	72,5	6,7	12	6,4	10	4,2	6
6	Làng nghề mây tre đan (5 làng)	28,5	28,6	28,7	29,7	0,1	0,4	0,1	0,3	1,0	4
7	Làng nghề lược bí (5 làng)	10,3	11,1	11,4	12,3	0,8	8	0,3	3	0,9	8
8	Làng nghề chiếu cói (5 làng)	22,1	23,2	24,9	25,2	1,1	5	1,7	7	0,3	2
	Tổng số	292,5	333,7	383,0	430,8	41,2	14	49,3	15	47,8	12

Nguồn: Khảo sát TT khuyến công và tư vấn PTCN Hải Dương năm 2024

Qua Bảng 2.4 ta thấy, giá trị sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều tăng qua các năm. Cụ thể, tổng giá trị sản xuất của làng nghề năm 2021 là 292,5 tỷ đồng, năm 2022 giá trị sản xuất này là 333,7 tỷ đồng tăng 41,2 tỷ đồng so với năm 2021 tương ứng với tỷ lệ tăng là 14%, năm 2023 giá trị sản xuất tăng thêm 49,3 tỷ đồng đạt mức 383,0 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng là 15%, sang tới năm 2024 giá trị sản xuất của làng nghề là 430,8 tỷ đồng tiếp tục tăng 47,8 tỷ đồng so với năm 2023 tương đương 12%. Giá trị sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng là một tín hiệu đáng mừng, tuy nhiên thì tỷ lệ tăng rất không đồng đều, điều này đặt ra câu hỏi cho cơ quan quản lý làng nghề của tỉnh yêu cầu có những chính sách đổi mới thiết thực và sâu sát hơn trong công tác phát triển kinh tế làng nghề để giá trị sản xuất sẽ tăng cao hơn nữa trong những năm tới đây. Ta xét về giá trị sản xuất của từng nhóm làng nghề, hầu hết giá trị sản xuất các nhóm làng nghề

đều có xu hướng tăng chỉ có nhóm nghề mây tre đan có xu hướng giảm. Nhóm nghề kim hoàn có giá trị sản xuất tăng cao nhất. Năm 2021, giá trị sản xuất của nhóm nghề này là 62,1 tỷ đồng, sang năm 2022 giá trị này là 76,7 tỷ đồng tăng 14,6 tỷ đồng so với năm 2021 tương đương 24%, năm 2023 giá trị sản xuất tăng thêm 17,8 tỷ đồng so với năm 2022 đạt mức 94,6 tỷ đồng, năm 2024 giá trị sản xuất của nhóm nghề kim hoàn là 113,4 tỷ đồng tăng 18,8 tỷ đồng so với năm 2023 tương ứng 20%. Điều trên cho thấy trong thời gian qua mặc dù các làng nghề sản xuất gặp phải những khó khăn chung trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ do sự ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu, song các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương vẫn cố gắng duy trì và phát huy hết sức, vượt qua những khó khăn để nâng cao giá trị sản xuất ở một số làng nghề có tiềm năng góp phần giữ gìn nét đẹp truyền thống và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân làm nghề.

c) Về thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề và người lao động.

Theo kết quả khảo sát tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh mức thu nhập từ các làng nghề đạt mức trung bình khá. Tuy vậy mức thu nhập này cao hơn nhiều so với thu nhập từ làm ruộng, đặc biệt là vùng đất hẹp người đông như Hải Dương. Thu nhập từ các làng nghề được thể hiện qua Bảng 2.7 dưới đây:

**Bảng 2.5: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh làng nghề
tỉnh Hải Dương**

ĐVT: triệu đồng

Nhóm làng nghề	Thu nhập từ nghề				Thu nhập bình quân một hộ			
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Làng nghề mộc	39.010	71.845	86.545	97.556	41,2	75,9	91,5	103,1
Làng nghề kim hoàn	52.100	76.759	94.654	113.425	100,0	147,3	181,7	217,7
Làng nghề thêu ren	21.315	34.352	41.923	55.165	39,8	64,2	78,4	103,1

Làng nghề SX hương	16.178	25.129	31.789	40.127	39,2	60,8	77,0	97,2
Làng nghề giấy da	45.268	61.956	68.324	72.459	60,5	82,8	91,3	96,9
Làng nghề mây tre đan	18.592	27.595	35.768	44.795	30,2	44,8	58,1	72,7
Làng nghề lược bí	6.323	11.168	16.453	25.315	34,6	61,0	89,9	138,3
Làng nghề chiếu cói	18.156	24.278	28.896	33.279	65,5	87,6	104,3	120,1

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công thương năm 2024)

Qua Bảng 2.5 ta thấy thu nhập từ các làng nghề và thu nhập bình quân một hộ có xu hướng tăng dần qua các năm. Nhóm làng nghề đang mang lại thu nhập cao nhất hiện nay là nghề kim hoàn. Cụ thể năm 2021 thu nhập từ làng nghề kim hoàn là 39.010 triệu đồng, năm 2022 thu nhập từ nghề này là 71.845 triệu đồng, sang tới năm 2023 thu nhập từ nghề này đạt mức 94.654 triệu đồng và năm 2024 thu nhập từ nghề này đạt mức 113.425 triệu đồng. Bên cạnh nhóm nghề kim hoàn thì nhóm nghề mộc và sản xuất giấy da cũng đang có thu nhập tương đối cao. Năm 2021, thu nhập từ nhóm nghề mộc là 39.010 triệu đồng, năm 2022 thu nhập này tăng lên đạt mức 71.845 triệu đồng, năm 2023 thu nhập từ làng nghề này là 86.545 triệu đồng và năm 2024 thu nhập này là 86.545 triệu đồng. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số ngành nghề còn có thu nhập chưa cao; chủ yếu là tận dụng thời gian nông nhàn để tranh thủ sản xuất, tăng thêm thu nhập như: thêu ren; làm hương, dệt chiếu,... Mức thu nhập từ các làng nghề này chỉ khoảng từ 25.315 triệu đồng đến 55.165 triệu đồng. Ta thấy hiện nay còn nhiều ngành nghề nông thôn, nhất là trong các làng nghề còn có mức thu nhập không đồng đều giữa các ngành nghề. Chính vì vậy mà nhà nước và tỉnh cần sát sao hơn trong việc quy hoạch và phát triển làng nghề để có thể cải thiện những bất cập trên. Dưới đây ta cùng xét thêm về tình hình thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề để có cái nhìn cụ thể hơn.

Bảng 2.6: Thu nhập bình quân lao động và năng suất lao động bình quân tại các làng nghề

ĐVT: triệu đồng

Nhóm làng nghề	Thu nhập bình quân một lao động				Năng suất lao động bình quân			
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Làng nghề mộc	1,3	1,5	1,8	2	1,6	1,8	2,15	2,3
Làng nghề kim hoàn	1,8	2,1	2,5	2,8	2,1	2,5	2,85	3,0
Làng nghề thêu ren	0,87	1,05	1,18	1,27	1,15	1,3	1,50	1,65
Làng nghề SX hương	0,56	0,78	0,89	0,99	0,71	0,95	1,12	1,25
Làng nghề giấy da	1,45	1,65	1,95	2,15	1,72	1,95	2,26	2,45
Làng nghề mây tre đan	0,58	0,81	0,95	1,15	0,75	0,98	1,22	1,41
Làng nghề lược bí	0,55	0,85	1,15	1,30	0,71	0,99	1,32	1,51
Làng nghề chiếu cói	1,25	1,55	1,6	1,75	1,5	1,72	1,85	1,9

(Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024)

Bên cạnh việc tạo công ăn việc làm, các làng nghề còn góp phần tăng thu nhập cho người dân. Trên thực tế, tại các địa phương có nghề đời sống của người làm nghề khá hơn nhiều so với các hộ thuần nông khác. Qua khảo sát người lao động tại các làng nghề cho thấy thu nhập bình quân mỗi lao động nhìn chung vẫn còn thấp. Có làng nghề thu nhập lao động khá cao như nghề kim hoàn, nghề mộc hay sản xuất giấy da. Cụ thể năm 2024 nghề kim hoàn tạo cho người lao động thu nhập bình quân khoảng 2,8 triệu đồng, nghề mộc là 2 triệu và nghề sản xuất giấy da là 2,15 triệu đồng. Tuy nhiên có một vài nghề lại cho thu nhập chưa được cao như nghề đan lát mây tre, sản xuất hương, cũng trong năm 2024 thu nhập bình quân lao động từ nghề mây tre đan là 1,15 triệu đồng, nghề sản xuất hương là 0,99 triệu đồng. Nguyên nhân chính là do đặc thù của những sản phẩm này và thị trường tiêu thụ ngày một thu hẹp.

2.2.6. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề

Tỉnh Hải Dương, với bề dày lịch sử và văn hóa, hiện đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của các làng nghề. Mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần được giải quyết để duy trì và phát triển bền vững các làng nghề truyền thống.

Về hoạt động giao lưu văn hoá tại các làng nghề: Sự phát triển hoạt động sản xuất tại các làng nghề cũng kéo theo sự phát triển đối với các hoạt động văn hóa, vui chơi của người lao động. Một trong những nét văn hóa truyền thống khá phổ biến tại các địa phương trong tỉnh là các hoạt động giao lưu văn hóa, ca hát, thi tay nghề giữa các làng lân cận với nhau, và thông qua việc hỗ trợ từ chính quyền các cấp, hoạt động giao lưu văn hóa này cũng ngày càng được quan tâm, phát triển.

Bảng 2.7: Thống kê hoạt động giao lưu văn hoá làng nghề tỉnh Hải Dương

STT	Loại hoạt động giao lưu	Số lượng			
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Cuộc thi tìm kiếm “Nghệ nhân giỏi”	8	10	11	13
2	Lễ hội truyền thống tôn vinh làng nghề	18	18	19	19
3	Cuộc thi giao lưu tay nghề truyền thống	6	7	8	9
4	Cuộc thi ảnh “Gìn giữ vẻ đẹp truyền thống”	5	7	8	11
	Tổng	37	42	46	51

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024

Hoạt động giao lưu văn hoá có diễn ra giữa các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương và cũng tăng dần trong những năm vừa qua. Cụ thể năm 2021 số lượng hoạt động giao lưu là 37, năm 2022 đã có 42 hoạt động giao lưu tăng 5 lượt hoạt động, sang năm 2023 số lượng hoạt động giao lưu là 46 và năm 2024 số lượng hoạt động giao lưu này đã đạt con số 51. Về các hình thức của hoạt động giao lưu thì chưa được đa dạng, mới chỉ có một vài hình thức như: các cuộc thi về tay nghề hay cuộc thi

ảnh, các lễ hội truyền thống tôn vinh,...

Làng nghề thủ công truyền thống là nơi lưu giữ kho tàng di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú; là nơi biểu hiện cụ thể, sinh động bản sắc văn hóa. Chính vì vậy việc giao lưu văn hoá giữa các làng nghề chính là phương pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy những giá trị này. Chính quyền tỉnh Hải Dương cần đầu tư hơn nữa trong việc tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá để gìn giữ nét đẹp văn hoá này.

Hiện nay nhiều làng nghề đang đối mặt sự mai một của nghề truyền thống do với tình trạng mai một do thiếu người kế cận và sự thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng. Ví dụ, nghề ươm tơ ở thôn Hà Tràng (Kinh Môn) từng rất phát triển nhưng hiện nay gần như không còn người theo nghề. Các sản phẩm làng nghề truyền thống phải cạnh tranh với các sản phẩm công nghiệp do sản phẩm công nghiệp giá rẻ và tiện lợi đang chiếm ưu thế trên thị trường. Bên cạnh đó nhiều làng nghề thiếu nguồn lực và công nghệ hiện đại để cải tiến sản phẩm, dẫn đến sự tụt hậu trong sản xuất và giảm sức cạnh tranh.

Trước thách thức đó, tỉnh Hải Dương đã và đang nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống: Đầu tư nghiên cứu và sưu tầm, điều tra và bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể như hát chèo, ca trù, hát văn, hát đối, hát ru, hát trống quân, và các phong tục tập quán; Hàng năm tổ chức các hoạt động văn hóa như tổ chức các liên hoan như rỗi nước, hát chèo, hát ca trù, pháo đất để duy trì và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống; Xây dựng hồ sơ di sản: Tỉnh đã xây dựng hồ sơ khoa học để trình UNESCO công nhận Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn - Kiếp Bạc là di sản thế giới; Phát triển du lịch làng nghề: Các làng nghề như gốm Chu Đậu đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần nâng cao giá trị kinh tế và văn hóa của địa phương.

2.2.7. Thực trạng quản lý nhà nước về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

2.2.7.1. Thực trạng tổ chức bộ máy điều hành, quản lý phát triển làng nghề

UBND tỉnh Hải Dương:

Cơ quan chủ trì tham mưu: Sở Công Thương;

Cơ quan phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội; Liên minh các HTX tỉnh; các đoàn thể chính trị- xã hội tỉnh: Hội LHPN, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn. Trong đó:

+ Trung tâm Dịch vụ việc làm 8/3 tỉnh Hải Dương thuộc Hội LHPN tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Phụ nữ nông thôn;

+ Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Hội viên Hội nông dân.

+ Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tích cực tham gia hỗ trợ đào tạo nghề cho con em khu vực nông thôn.

UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

Cơ quan chủ trì tham mưu: Phòng Kinh tế hạ tầng,

Cơ quan phối hợp: Phòng Tài chính- Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT, các đoàn thể chính trị- xã hội: Hội LHPN, Hội Nông dân, Huyện đoàn,...

UBND các xã, phường, thị trấn:

Bố trí cán bộ phụ trách mảng công tác Tiểu thủ công nghiệp- Giao thông xây dựng.

Các đoàn thể chính trị: Hội LHPN, Hội Nông dân,

Ban Chi uỷ chi bộ đảng, trưởng thôn: Là lực lượng nòng cốt tuyên truyền, phát triển làng nghề ở thôn, làng.

2.2.7.2. Thực trạng quy hoạch phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Trong thời gian qua công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề TTCN đã được UBND tỉnh quan tâm thực hiện, cụ thể như: Chỉ đạo định hướng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho từng địa phương gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Quy hoạch dân cư, khu vực sản xuất làng nghề gắn với đảm bảo môi trường; Xác định phương hướng phát triển cho các ngành nghề, sản phẩm TTCN truyền thống của từng huyện, thị xã, thành phố và từng xã, phường, thị trấn. Hoàn thiện, bổ sung chính sách khôi phục, đổi mới, phát triển nghề TTCN truyền thống và mở ra nghề mới. Có kế hoạch đào tạo nghề TTCN cho người lao động; Quy hoạch các CCN vừa và nhỏ ở các địa bàn, có kết cấu hạ tầng đồng bộ. Sắp xếp hợp lý

ngành nghề theo hướng mở rộng quy mô hoặc đầu tư theo chiều sâu; Định hướng phát triển nghề có triển vọng, chuyển hướng sang sản xuất sản phẩm mới ở những nơi nghề cũ đã lỗi thời. Hỗ trợ các làng nghề TTCN đổi mới máy móc, kỹ thuật, công nghệ,... Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển làng nghề TTCN của tỉnh và của các địa phương trong tỉnh còn nhiều bất cập. Phần lớn các làng nghề đều tập trung tại vùng nông thôn; nhiều làng nghề phát triển còn mang tính tự phát, nơi có hệ thống kết cấu hạ tầng còn hạn chế cả số lượng và chất lượng.

Bảng 2.8: Mục tiêu quy hoạch làng nghề của tỉnh Hải Dương

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2015	Đến năm 2020	Đến năm 2025
1	Số lượng làng nghề <i>Trong đó làng nghề mới</i>	Làng nghề	90 24	110 25	140 28
2	Số lao động trong làng nghề	Người	45.000	60.000	80.000
3	Giá trị sản xuất TTCN	Tỷ đồng	4.000	8.000	15.000

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương

Việc quy hoạch làng nghề tỉnh Hải Dương nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện việc di dời các cơ sở làng nghề có gây ô nhiễm môi trường đến các khu, cụm công nghiệp, cụm làng nghề đã được quy hoạch theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 về quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Theo đó, Hải Dương đặt mục tiêu phát triển 33 CCN đến năm 2025 với tổng diện tích là 5.661ha. Quy hoạch phát triển 60 nghề mới, bao gồm những làng nghề phát triển lan toả từ các làng nghề truyền thống, làng nghề du lịch, hoặc những làng nghề hình thành do hoạt động gia công cho các DN xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ. Có 9/66 làng nghề đã được quy hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển làng nghề (làng nghề mộc Ngô Đồng, huyện Nam Sách; làng nghề sản xuất hương Dường Thái Bắc, làng nghề mộc xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành; làng nghề mây giang xiên, bánh đa Tào Khê và làng nghề bánh

đa Đào Lâm, huyện Thanh Miện; làng nghề mộc truyền thống Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang; làng nghề sản xuất đồ mộc Trại Như, làng nghề mộc Phương Độ, làng nghề mộc Ngọc Mai, huyện Bình Giang); các làng nghề còn lại chưa bố trí quỹ đất quy hoạch phát triển làng nghề.

Quy hoạch phát triển làng nghề của tỉnh Hải Dương đến năm 2025: Theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 25/4/2013, Hải Dương định hướng phát triển 28 làng nghề mới đến năm 2025, nâng tổng số lên hơn 90 làng nghề được công nhận. Các địa phương được ưu tiên phát triển làng nghề bao gồm:

Thành phố Hải Dương: An Châu; Thị xã Chí Linh: Tân Dân, Đồng Lạc; Huyện Nam Sách (Hợp Tiến, Nam Tân); Huyện Cẩm Giàng (Đức Chính, Cẩm Sơn, Cẩm Định, Cao An, Kim Giang, Cẩm Hưng, Ngọc Liên); Huyện Kinh Môn (Thất Hùng, Hiệp Hòa, Thượng Quận); Huyện Thanh Miện (Hùng Sơn); Huyện Thanh Hà (Tân An, Thanh Bính, Hồng Lạc); Huyện Tứ Kỳ (Hà Kỳ, Tứ Xuyên); Huyện Gia Lộc (Quang Minh, Đồng Quang, Đức Xương); Huyện Ninh Giang (Hồng Thái, Tân Quang); Huyện Kim Thành (Kim Anh, Đồng).

Định hướng phát triển làng nghề gắn với du lịch: Trong quy hoạch giai đoạn 2021-2030, Hải Dương xác định phát triển du lịch làng nghề là hướng đi chiến lược. Các làng nghề nổi bật như gốm Chu Đậu (Nam Sách), gỗ Đông Giao (Cẩm Giàng), bánh gai Ninh Giang được ưu tiên phát triển du lịch nông thôn, kết hợp bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và phát triển kinh tế địa phương.

Chính sách hỗ trợ và phát triển làng nghề: Tỉnh Hải Dương đã ban hành Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND về phát triển ngành nghề nông thôn, bao gồm các chính sách hỗ trợ như: Hỗ trợ đầu tư hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề. Khuyến khích phát triển sản phẩm đặc trưng, nâng cao giá trị kinh tế và văn hóa địa phương. Đào tạo nghề, bồi dưỡng nghệ nhân, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm làng nghề qua các kênh như sàn thương mại điện tử, siêu thị, cửa hàng tiện lợi.

Về đánh giá của các cán bộ quản lý phát triển làng nghề về nội dung phát triển làng nghề tại tỉnh Hải Dương. Qua khảo sát đối với 53 cán bộ phòng ban tại các cơ quan liên quan đến hoạt động quản lý phát triển làng nghề của tỉnh, để có

thể thấy rõ hơn hiện trạng của những công tác này trong thời gian qua.

Bảng 2.9: Đánh giá của cán bộ về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Nhóm	Câu hỏi	Phương án trả lời (1: Rất không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Trung lập; 4- Đồng ý; 5- Rất đồng ý)				
		5	4	3	2	1
Lập kế hoạch, quy hoạch phát triển	Công tác lập kế hoạch phát triển làng nghề được triển khai có sự bài bản	5	3	6	29	10
	Các kế hoạch phát triển được xây dựng với căn cứ khoa học và thực tiễn đầy đủ	12	16	15	10	0
	Quy hoạch phát triển làng nghề thể hiện sự cân đối giữa phát triển và môi trường	5	14	9	15	10
	Quy hoạch phát triển làng nghề thể hiện sự cân đối giữa yếu tố truyền thống và hiện đại	5	7	12	23	6
Tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển	UBND Tỉnh Hải Dương có quy định cụ thể, rõ ràng về đơn vị, phòng ban thực hiện nhiệm vụ quản lý về phát triển làng nghề	3	8	7	24	11
	Trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, phòng ban trong quản lý phát triển làng nghề là không chồng chéo	5	5	5	30	8
Tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển	Cơ cấu tổ chức nhân sự của các phòng ban quản lý phát triển làng nghề là hợp lý	3	9	10	21	10
	Chất lượng cán bộ các phòng ban quản lý phát triển làng nghề là tốt	3	6	13	20	11
	Các quy trình quản lý là đơn giản, dễ thực hiện	5	3	6	29	10
Ban hành chính sách hỗ	Chính sách nhà nước về hỗ trợ phát triển làng nghề là rất thiết thực, phù hợp với yêu cầu của các làng nghề	15	10	8	13	7
	Chính sách mới ban hành có sự đồng bộ, nhất	13	10	8	15	7

trợ	quán cao với các chính sách đã thực hiện					
	Các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề được giới thiệu và hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho người lao động trong các làng nghề	15	10	8	12	8
	Các chính sách hỗ trợ khi được thực hiện đều cho thấy hiệu quả hỗ trợ rõ ràng đối với sự phát triển của các làng nghề	10	11	10	12	10
	Những chính sách không còn phù hợp với thực tế việc hỗ trợ phát triển làng nghề đều được thay thế, bổ sung một cách nhanh chóng, kịp thời	11	17	5	16	7

Nguồn: Kết quả điều tra, khảo sát của tác giả 12/2024

Công tác lập kế hoạch, quy hoạch phát triển: 39/53 ý kiến đồng ý và rất đồng ý về nhận định “Công tác lập kế hoạch phát triển làng nghề được triển khai có sự bài bản”; Các kế hoạch phát triển được xây dựng với căn cứ khoa học và thực tiễn được cho là chưa đầy đủ; Quy hoạch phát triển làng nghề chưa thực sự thể hiện sự cân đối giữa phát triển và môi trường; Quy hoạch phát triển làng nghề thể hiện sự cân đối giữa yếu tố truyền thống và hiện đại (29/53 ý kiến đồng ý).

Về tổ chức bộ máy điều hành quản lý phát triển: Trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, phòng ban trong quản lý phát triển làng nghề được đánh giá là không chồng chéo; Cơ cấu tổ chức nhân sự của các phòng ban quản lý phát triển làng nghề được đánh giá là chưa hợp và chất lượng cán bộ các phòng ban quản lý phát triển làng nghề chưa thực sự tốt. Các quy trình quản lý còn hạn chế.

Công tác xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề có sự đồng bộ, nhất quán cao của các chính sách mới ban hành với các chính sách đã thực hiện. Các chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề chưa được giới thiệu và hướng dẫn chi tiết, cụ thể cho người lao động trong các làng nghề; chính sách nhà nước về hỗ trợ phát triển làng nghề, những chính sách này là chưa thiết thực, chưa phù hợp với yêu cầu của các làng nghề.

Qua khảo sát trên, ta đã nhận thấy còn những hạn chế và bất cập trong nội dung phát triển kinh tế làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tỉnh Hải Dương cần có những giải pháp thiết thực hơn để cải thiện tồn tại này.

2.2.7.3. Thực trạng xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề

a) Chính sách hỗ trợ vốn

Tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền, triển khai cơ chế hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ/CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ cho các cơ sở sản xuất TTCN, hộ gia đình trong các làng nghề. Các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thông báo công khai mức cho vay không có bảo đảm bằng tài sản, điều kiện, thủ tục cho vay cụ thể trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng; nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở TTCN và làng nghề được tiếp cận các nguồn vốn, nhất là vốn vay trung hạn, dài hạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Bảng 2.10: Quy mô đầu tư vốn tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhóm làng nghề	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Làng nghề mộc	250	330	380	425
2	Làng nghề kim hoàn	315	358	415	466
3	Làng nghề thêu ren	120	135	176	198
4	Làng nghề SX hương	80	95	107	116
5	Làng nghề giấy da	262	298	354	392
6	Làng nghề mây tre đan	45	68	88	97
7	Làng nghề lược bí	82	98	115	129
8	Làng nghề chiếu cói	95	136	175	212
	Tổng	1.249	1.518	1.810	2.035

Nguồn: Sở Công Thương Hải Dương năm 2024

Qua Bảng 2.10 ta thấy nguồn vốn đầu tư tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực qua các năm. Cụ thể năm 2021 tổng số nguồn vốn đầu tư là 1.249 triệu đồng, năm 2022 tổng số nguồn vốn đầu tư là 1.518 triệu đồng tăng lên 269 triệu đồng so với năm 2021 tương ứng 22%, năm

2023 tổng nguồn vốn đầu tư vào làng nghề là 1.810 triệu đồng tăng thêm 292 triệu đồng tương đương tỷ lệ tăng là 19%, sang tới năm 2024 tổng nguồn vốn đầu tư đạt con số là 2.035 triệu đồng tăng 225 triệu đồng tương ứng 12%. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu tập trung vào ngành có giá trị sản xuất cao như nghề mộc, nghề kim hoàn,... và đầu ít ở các nhóm nghề như mây tre đan, sản xuất hương,... Thiếu vốn sẽ dẫn đến khó khăn trong sản xuất và nguy cơ mai một nghề rất cao chính vì thế các cấp quản lý cần ban hành nhiều chính sách vay vốn có cơ chế ưu đãi để không bị mất cân bằng về vốn giữa các nhóm làng nghề.

b) Về chuyển giao công nghệ:

Tỉnh Hải Dương quan tâm khuyến khích phát triển khoa học và đổi mới công nghệ sản xuất. Nâng cao năng lực công nghệ của các cơ sở TTCN và làng nghề thông qua chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hỗ trợ các cơ sở TTCN và làng nghề mức kinh phí tương đương 50% giá trị máy móc thiết bị hiện đại hoặc chi phí chuyển giao công nghệ tiên tiến (tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở) thông qua các đề án khuyến công trung ương và địa phương. Thực tế hiện nay, trình độ công nghệ của mỗi nhóm làng nghề khác nhau có những tính chất và mức độ khác nhau. Do đó, không thể đánh giá trình độ công nghệ chung cho làng nghề. Cụ thể : như nghề thủ công : mây tre giang đan, thêu ren, chạm khắc gỗ,.. thì công việc thủ công là chính. Việc đổi mới công nghệ ở làng nghề cũng đòi hỏi khác với đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp công nghiệp vì nó phải có sự kết hợp công nghệ hiện đại và thủ công truyền thống. Trong thực tế nhiều sản phẩm gia công bằng bàn tay con người có giá trị kinh tế, văn hoá và xã hội rất cao. Ở đây có giá trị tinh hoa của bàn tay người nghệ nhân, thợ giỏi.

Bảng 2.11: Mức độ sử dụng công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

DVT: %

Trình độ	Hộ gia đình	Doanh nghiệp
----------	-------------	--------------

Thủ công	75	15
Nửa cơ khí	15	45
Cơ khí	10	35
Thiết bị hiện đại	0	5

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả 12/2024

Qua Bảng 2.11 ta có thể thấy mức độ sử dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất tại các làng nghề còn chưa phổ biến. Tại các hộ gia đình sản xuất thì các thiết bị thủ công vẫn chiếm chủ yếu là 75%, tại các doanh nghiệp sản xuất thì tỷ lệ này chỉ là 15%. Các thiết bị nửa cơ khí tại các hộ gia đình mới chỉ chiếm 15%, còn tại các doanh nghiệp sản xuất chiếm 45%. Các doanh nghiệp sản xuất tại làng nghề đã đầu tư ứng dụng các thiết bị cơ khí chiếm 35% tổng các thiết bị công nghệ còn hộ gia đình mới chỉ là 10%. Thiết bị hiện đại mới đang được sử dụng ở các doanh nghiệp thôi và cũng chỉ chiếm 5% trên tổng số các thiết bị hiện có tại các doanh nghiệp này.

Tuy nhiên, xét về tổng thể ; trình độ công nghệ tại các làng nghề trên địa bàn tỉnh có những bước phát triển nhất định. Các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ đã được đổi mới rất nhiều. Các nghề như chế biến gỗ, nghề kim hoàn,... công nghệ cũng đã có nhiều thay đổi, việc đầu tư máy móc, thiết bị cơ khí, điện tử đã nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng được ngày càng cao nhu cầu của thị trường.

c) Về khuyến công, khuyến nông:

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông thôn và Nghị định 210/2023/NĐ-CP về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Với lợi thế là một tỉnh có nhiều làng nghề truyền thống, cùng với lực lượng lao động dồi dào, những năm qua Hải Dương đã triển khai nhiều chương trình hoạt động khuyến công, hỗ trợ làng nghề sản xuất.

Bảng 2.12: Tổng hợp các chương trình, đề án, dự án ưu tiên đầu tư

Số TT	Tên Chương trình, đề án	Kinh phí thực hiện năm 2021-2024 (ĐVT: Tỷ đồng)			
		Tổng số	Trong đó		
			Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Doanh nghiệp
1	Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024	11,4	-	5,5	5,9
2	Chương trình đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề	9,0	2,5	2,5	4,0
3	Chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	12,5	3,0	1,0	8,5
4	Các dự án hỗ trợ đầu tư hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải tại các làng nghề	10,0	-	5,0	5,0
5	Đề án “ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp giai đoạn 2021-2024”	4,0	-	4,0	-
	Tổng cộng	46,9	5,5	18,0	23,4

Nguồn: Sở Công Thương Hải Dương năm 2024

d) Về đào tạo lao động

Thực tế Việt Nam nói chung và ở Hải Dương nói riêng đều không có trường lớp nào đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, nhất là các nghề thủ công truyền thống. Lao động chủ yếu được đào tạo thông qua truyền nghề, cầm tay chỉ việc. Vì vậy vai trò của nghệ nhân và thợ giỏi là rất quan trọng trong việc giữ nghề, đào tạo nghề cho thế hệ sau. Lực lượng nghệ nhân, thợ giỏi của các làng nghề trên địa bàn tỉnh khá đông đảo và giữ vai trò quan trọng trong duy trì và phát triển nghề.

Tuy nhiên, cơ chế, chính sách nhằm tôn vinh, đãi ngộ đối với nghệ nhân và thợ giỏi còn hạn chế. Trước năm 2024, hoạt động của các nghệ nhân tại các làng nghề chưa dành được sự quan tâm thỏa đáng. Ngày 29/6/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND về Quy chế phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nghề TTCN tỉnh Hải Dương. Trong các tháng cuối năm 2024, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định tặng danh hiệu Nghệ nhân nghề TTCN tỉnh Hải Dương cho 12 cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để có cơ chế đãi ngộ, tôn vinh thỏa đáng đối với các nghệ nhân của tỉnh. Đồng thời tỉnh từng bước quan tâm đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực làng nghề.

Bảng 2.13: Đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương

DVT: tỷ đồng

STT	Hình thức đào tạo	Nguồn kinh phí hỗ trợ			
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Truyền nghề tại cơ sở sản xuất	0,14	0,21	0,18	0,16
2	Lớp tập huấn ngắn ngày	0,56	0,66	0,55	0,42
3	Hội thảo có quy mô	0,38	0,29	0,35	0,54
4	Trường dạy nghề	0,42	0,64	0,52	0,98
	Tổng	1,5	1,8	1,6	2,1

Nguồn: Sở Công Thương Hải Dương năm 2024

Qua Bảng 2.13 ta thấy nguồn kinh phí đầu tư vào đào tạo nguồn nhân lực tương đối cao và tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2021 nguồn kinh phí hỗ trợ là 1,5 tỷ đồng, sang năm 2022 nguồn kinh phí này tăng lên đạt 1,8 tỷ đồng, nguồn kinh phí đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực năm 2023 giảm xuống còn 1,6 tỷ đồng, bước sang năm 2024 nguồn kinh phí này đã tăng trở lại đạt 2,1 tỷ đồng. Tỉnh Hải Dương cũng đã chú trọng trong đầu tư theo nhiều hình thức đào tạo để hiệu quả đầu

tư cao hơn, tránh lãng phí nguồn kinh phí như mở các trường dạy nghề, tổ chức các lớp tập huấn ngắn ngày, tổ chức các hội thảo cũng như là hỗ trợ kinh phí cho truyền nghề tại cơ sở.

e) Về sở hữu trí tuệ:

Tỉnh Hải Dương đã hỗ trợ 510 triệu đồng đăng ký bảo hộ 112 nhãn hiệu và 14 kiểu dáng công nghiệp cho các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn. Tạo cơ chế thoág nhất có thể, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn để mở rộng sản xuất- kinh doanh; phối hợp với các ngân hàng thương mại trên địa bàn triển khai nhiều gói tín dụng hỗ trợ phát triển TTCN, sản xuất tại các làng nghề.. Khai thác và huy động tối đa mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong tỉnh, thu hút các nguồn vốn từ tỉnh ngoài, từ nước ngoài để phát triển TTCN và làng nghề trên cơ sở công khai định hướng qui hoạch, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công tác quản lý Nhà nước đối với sản xuất công nghiệp, TTCN và làng nghề trên địa bàn tỉnh. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong chấp thuận dự án đầu tư theo cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông". Giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc để các dự án đã được chấp thuận đầu tư nhanh chóng triển khai xây dựng và sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường quản lý các loại hình doanh nghiệp sau Đăng ký kinh doanh và sau khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Tiếp tục triển khai hỗ trợ các cơ sở TTCN và làng nghề đăng ký, xác lập quyền sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý) đối với các sản phẩm và dịch vụ theo Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp giai đoạn 2021-2025” của tỉnh Hải Dương.

f) Về quảng bá, giới thiệu sản phẩm

Tỉnh đã đẩy mạnh được công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho các sản phẩm TTCN và làng nghề. Gắn kết các cơ sở TTCN và làng nghề với các tổ chức thương mại để tạo lập hệ thống lưu thông hàng hoá rộng khắp, hiệu quả. Tích cực phổ biến, tuyên truyền triển khai thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; thúc đẩy mở rộng thị trường, nhất là thị

trường nội địa cho các sản phẩm TTCN và làng nghề trong tỉnh. Đẩy mạnh phát triển các Tour du lịch tại gắn với làng nghề trong tỉnh như: làng chế tác vàng bạc Châu Khê, Lương Ngọc; làng chạm khắc gỗ Đông Giao; làng thêu ren Xuân Nẻo; làng giấy da Hoàng Diệu... Khuyến khích sản xuất và cung ứng các sản phẩm làng nghề truyền thống phục vụ các lễ hội, các điểm tham quan du lịch tại các khu di tích lịch sử, văn hoá để tiêu thụ và quảng bá thương hiệu sản phẩm, xuất khẩu tại chỗ. Triển khai cơ chế hỗ trợ phát triển thị trường cho các cơ sở TTCN và làng nghề. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí quảng cáo cho doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở/năm); hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng tham gia hội chợ triển lãm trong nước (tối đa không quá 25 triệu đồng/cơ sở/năm). Thông qua Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm của tỉnh; hàng năm, mỗi khi tổ chức Hội chợ thương mại thường niên sẽ tổ chức 01 gian hàng (khoảng 30-50 m²) để trưng bày các sản phẩm làng nghề trong tỉnh (bố trí kinh phí hỗ trợ bao gồm cả kinh phí thuê gian hàng và tổ chức, quản lý gian hàng).

f) Về kết cấu hạ tầng:

Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn nói chung, hạ tầng tại các làng nghề nói riêng trong những năm qua đã được quan tâm nhất định. Trong giai đoạn 2015-2020, thực hiện đề án xây dựng, phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư của nhà nước đạt trên 520,9 tỷ đồng; trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ qua Chương trình dự án GTNT2, GTNT3 gần 55 tỷ đồng. Ngoài ra, triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ môi trường nông thôn, tỉnh Hải Dương đã hỗ trợ các xã, thôn mua xe trở rác và dụng cụ thu gom rác; hỗ trợ đầu tư các dự án cải tạo kênh mương và xử lý nước thải; tuy nhiên mức độ đầu tư thực tế ít nhiều còn hạn chế. Tính đến hết năm 2024, mới có 23 xã có làng nghề đã xây dựng được bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh, ngân sách địa phương hỗ trợ 500 triệu đồng/xã; 04 làng nghề giấy da tại Hoàng Diệu đã tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Mô hình xử lý chất thải tại làng nghề giấy da xã Hoàng Diệu; tổng kinh phí trên

6,74 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn trung ương 4,56 tỷ và vốn đối ứng địa phương trên 2,18 tỷ. Việc triển khai các dự án cải tạo kênh mương và xử lý nước thải chưa được nhiều.

g) Chính sách thị trường đầu ra

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện nay của các làng nghề Hải Dương chủ yếu vẫn là tại chỗ, nhỏ lẻ và phân tán. Kết quả khảo sát tại 61 làng nghề trong tỉnh cho thấy, thị trường tiêu thụ chính của sản phẩm làng nghề hiện nay là thị trường nội địa, chiếm tỷ trọng khoảng 90%; phần còn lại (khoảng 10%) được xuất khẩu ra nước ngoài thông qua các doanh nghiệp ở Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm làng nghề Hải Dương còn yếu, do chất lượng thấp, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán và phụ thuộc nhiều vào trung gian. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 85% sản phẩm làng nghề tiêu thụ qua kênh công ty tư nhân, thương lái,... Các hộ kinh doanh còn gặp khó khăn do cơ sở hạ tầng làng nghề kém; khó tiếp cận thông tin thị trường, ứng dụng công nghệ mới, mở rộng quy mô sản xuất, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng. Hiện nay, sản phẩm làng nghề trong tỉnh chủ yếu đáp ứng nhu cầu trong nước. Một số ít sản phẩm làng nghề bắt đầu tham gia xuất khẩu như: gỗ mỹ nghệ, gốm sứ, thêu ren...

h) Phát triển làng nghề với bảo vệ môi trường

Cùng với sự phát triển kinh tế của các làng nghề, mức sống của người dân được tăng lên nhưng chất lượng môi trường sống tại các làng nghề đã và đang có nguy cơ bị đe dọa. Bên cạnh những lợi ích về kinh tế-xã hội cho các làng nghề thì cần nhìn thấy những tác động tiêu cực về môi trường. Trên quan điểm kinh tế về môi trường, liệu những lợi nhuận do hoạt động làng nghề mang lại có thực chất là do thặng dư sức lao động hay là do sự huỷ hoại môi trường mang đến.

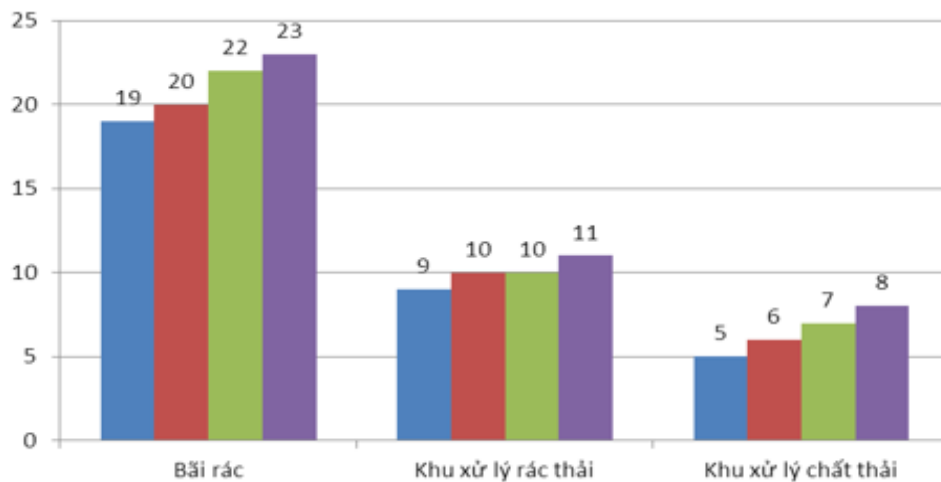
Ô nhiễm làng nghề là nguyên nhân gây ra các bệnh, dịch cho người dân lao động và sinh sống ở chính làng nghề và khu vực phụ cận. Xu hướng này đang gia tăng trong những năm gần đây. Ô nhiễm môi trường làng nghề làm giảm năng suất nông nghiệp tại các địa phương, tác động xấu tới phát triển kinh tế xã hội, kìm hãm sự phát triển du lịch làng nghề; gây ra các tổn thất kinh tế không nhỏ và dẫn tới xung

đột môi trường tại làng nghề.

Nhiều doanh nghiệp, hộ sản xuất ở làng nghề thiếu ý thức bảo vệ môi trường, việc áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường chưa được triển khai triệt để. Các cụm công nghiệp làng nghề triển khai chậm, không đồng bộ về hạ tầng, chi phí cao, chưa tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ sở ô nhiễm, bố trí lại các doanh nghiệp làng nghề.

Ô nhiễm tại làng nghề không chỉ ảnh hưởng trực tiếp gây ra các bệnh nghề nghiệp, ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của cư dân làng nghề mà còn ảnh hưởng lớn đến đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của nhân dân nhiều vùng xung quanh.

- Dưới đây là hiện trạng công tác xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương:



Hình 2.3: Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Nguồn: Số liệu tổng hợp của Sở Công Thương năm 2024

Ta thấy, công tác đầu tư cho xử lý ô nhiễm môi trường chưa được chú trọng. Số lượng bãi rác, khu xử lý rác thải, khu xử lý chất thải còn quá ít so với lượng làng nghề trên địa bàn tỉnh. Số lượng làng nghề tăng nhanh qua các năm, tuy nhiên số lượng bãi rác và khu xử lý lại tăng lên không đáng kể. Cụ thể năm 2021 số lượng bãi rác là 19 đến năm 2024 mới chỉ là 23 bãi rác tăng thêm 4, năm 2021 số khu xử lý

rác thải là 9 đến năm 2024 số lượng khu xử lý rác thải là 11 tăng 2 khu, số khu xử lý chất thải năm 2021 là 5 và tăng lên 8 vào năm 2024.

Để giải quyết nạn ô nhiễm, các đơn vị quản lý tỉnh tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, tích cực hướng dẫn thực hiện các biện pháp cải thiện công nghệ, cải tạo hạ tầng kỹ thuật... Đồng thời, triển khai hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải; quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải hợp vệ sinh; khuyến khích các cơ sở sản xuất di chuyển xưởng sản xuất vào CCN hoặc điểm tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn. Các Sở, ngành và chính quyền các địa phương cần có chính sách khuyến khích và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường làng nghề như xã hội hóa việc xử lý môi trường làng nghề; xử lý nghiêm những cơ sở gây ô nhiễm môi trường, những cơ sở công nghệ cũ lạc hậu; tiếp tục nghiên cứu chuyển giao công nghệ sạch thân thiện với môi trường. Các địa phương cần lồng ghép chương trình bảo vệ môi trường làng nghề vào các chương trình mục tiêu quốc gia, có như vậy môi trường trong các làng nghề hiện nay mới sớm được cải thiện.

2.3. Đánh giá thực trạng về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương

2.3.1. Những thành tựu đã đạt được

Quy mô, cơ cấu sản xuất

Trong những năm qua, sự phát triển của các làng nghề ở Hải Dương đã góp phần tạo ra khối lượng sản phẩm, các mặt hàng phong phú, đa dạng đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân; đóng góp đáng kể vào tăng thu ngân sách, tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hoá Giá trị sản xuất TTCN-LN năm 2024 chiếm 23,1% trong tổng GTSX công nghiệp toàn tỉnh, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm là 21,4%/năm. Các huyện, thị xã, thành phố đạt kết quả sản xuất TTCN tăng cao so với mục tiêu là Bình Giang tăng 32,7%/năm, Chí Linh tăng 31,3%/năm, Tứ Kỳ tăng 26,2%/năm, Nam Sách tăng 23,8%/năm, thành phố Hải Dương tăng 21,3%/năm, Kim Thành tăng 20,3%/năm .v.v. Sản xuất TTCN của các huyện đạt mức tăng chậm so với mục tiêu là: Thanh Hà tăng 13,7%/năm, Thanh Miện tăng 14,4%/năm, Ninh Giang tăng 16,5%/năm.... Số lượng cơ sở làng nghề

trong tỉnh tăng đáng kể trong 4 năm qua.

Vốn cho sản xuất

Cùng với phát triển sản xuất TTCN, các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh tiếp tục quan tâm quy hoạch, trình duyệt và triển khai thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào các cụm công nghiệp. Hết năm 2024, toàn tỉnh đã có 31 cụm công nghiệp chính thức đi vào hoạt động, thu hút 296 dự án đầu tư, với tổng vốn đầu tư đạt trên 7.000 tỷ đồng; tạo việc làm thường xuyên cho trên 59.000 lao động trong tỉnh.

Cơ sở hạ tầng và nguồn nguyên liệu

Về cơ sở hạ tầng thì đã có quan điểm chỉ đạo của Tỉnh uỷ về khôi phục và phát triển làng nghề, các cơ quan quản lý cấp nhà nước cấp tỉnh, huyện đã triển khai nhiều biện pháp như tiến hành quy hoạch cụm làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nhiều biện pháp hỗ trợ khác giúp phát triển làng nghề.

Sản phẩm và thị trường tiêu thụ

Về sản phẩm: Các làng nghề tại Hải Dương có một đội ngũ lao động lành nghề khéo léo, tâm huyết với nghề. Việc truyền nghề theo hình thức “cha truyền, con nối” những người thợ cố gắng kế thừa và phát huy truyền thống gia đình, nhờ đó đã tạo ra những sản phẩm thủ công tinh xảo, được chế tác khéo léo, mang phong cách văn hoá riêng đã góp phần củng cố tăng cường và phát huy giá trị truyền thống.

Về thị trường tiêu thụ: Các sản phẩm của làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện đã có mặt khá phổ biến cả ở thị trường trong nước cũng như quốc tế. Đạt được thành quả đó tỉnh Hải Dương đã chú trọng trong tìm kiếm mở rộng thị trường cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề, giới thiệu quảng bá ngày một rộng rãi hơn tới bạn bè năm châu

Việc làm và đời sống của người lao động

Các làng nghề ở Hải Dương phát triển đã góp phần quan trọng giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho nông dân trong tỉnh. Các làng nghề tạo điều kiện thuận lợi để nông dân trong tỉnh tận dụng triệt để thời gian nông nhàn sản xuất theo phương châm “ly nông bất ly hương”; góp phần an sinh xã hội khu vực nông thôn; góp phần quan trọng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn

mới trong giai đoạn hiện nay.

Ảnh hưởng đến môi trường

Quá trình mở cửa hội nhập đã tạo điều kiện cho làng nghề sản xuất ra những sản phẩm có thẩm mỹ và chất lượng cao. Chính vì thế nhiều làng nghề đã được đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng hình thành các khu sản xuất tách biệt với khu dân cư đã góp phần cải thiện đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động và góp phần xây dựng nông thôn mới. Công tác bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển bền vững cơ bản đều được các doanh nghiệp công nghiệp, TTCN và làng nghề trong tỉnh quan tâm thực hiện. Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đều triển khai lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường. Việc đầu tư hệ thống xử lý rác thải, nước thải và triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường đều được triển khai tại hầu hết các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có nguồn chất thải nguy hại đều thực hiện ký hợp đồng với các cơ sở có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Đóng góp của làng nghề đối với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh

Nghề và làng nghề không ngừng phát triển đã làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Hải Dương thay đổi theo hướng tích cực. Diện mạo nông thôn từng bước thay đổi, hệ thống kết cấu hạ tầng không ngừng được hoàn thiện. Ở nhiều vùng nông thôn, xuất hiện các cụm làng nghề, các thị tứ, thị trấn, xóa dần cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Nhờ có thu nhập cao, các làng nghề đã đầu tư xây dựng được nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống. Các công trình chung của xã như: điện, đường, trường, học, trạm xá, trụ sở UBND đều khang trang hơn, trong đó có sự đóng góp chung sức ủng hộ chương trình xây dựng nông thôn mới của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Cùng với kết cấu hạ tầng, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Ở các làng nghề phát triển mạnh không có hộ thuộc diện đói nghèo, tỷ lệ hộ có nhà kiên cố cao tầng, có đồ dùng và các phương tiện sinh hoạt đắt tiền ngày càng gia tăng. Các làng nghề ở nông thôn phát triển còn góp phần xóa bỏ các tập

tục lạc hậu, lối làm ăn nhỏ còn tồn đọng ở nông thôn tạo ra nếp nghĩ, cách làm ăn mới theo tác phong của nền sản xuất công nghiệp, mở rộng giao lưu hàng hóa. Trong các làng nghề các tệ nạn xã hội cũng giảm đáng kể.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- Về những hạn chế:

Các làng nghề TTCN tại tỉnh Hải Dương phát triển còn chậm. Số lượng làng nghề tại các địa phương trong tỉnh chưa đồng đều. Quy mô của từng làng nghề còn nhỏ. Các hoạt động sản xuất chủ yếu dựa trên mô hình hộ gia đình; các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã còn ít và hạn chế. Nhiều làng nghề cổ truyền, có thương hiệu nhiều năm trong lịch sử, bị mai một, thất truyền nhưng chưa khôi phục được như: Gốm Quao (Nam Sách); thuê ren Mao Điền (Cẩm Giàng);

Ngành nghề sản xuất tại các làng nghề còn hẹp. Việc du nhập, nhân cấy nghề mới để hình thành các làng nghề còn hạn chế. Phát triển làng nghề chủ yếu dựa trên nền tảng các địa phương với các ngành nghề đã có; kết quả du nhập nghề mới còn ít. Các làng nghề mới chỉ tập trung ở một vài nghề thủ công như thuê ren, sản xuất đồ mộc, bún bánh, vật liệu xây dựng,... chưa tạo thêm, du nhập ngành nghề mới; nhất là ngành nghề sản xuất sản phẩm hỗ trợ cho doanh nghiệp lớn, liên kết theo chuỗi giá trị.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề có dấu hiệu giảm sút trong thời gian gần đây. Xét trên tổng thể, số lượng làng nghề tăng, số lao động tại các làng nghề cũng tăng; song tính riêng trong nội bộ từng làng nghề, số hộ và số lao động đang có xu hướng giảm tương đối. Nhiều làng nghề đã được công nhận song không phát huy được, sản xuất giảm sút như làng Mây giang xiên Tào Khê và Đào Lâm (Thanh Miện); .v.v. Một số làng nghề có nguy cơ mai một, không thể tồn tại được do không còn phù hợp với thị trường như: Thêu tranh An Dương, Ghép trúc La Ngoại (Thanh Miện); Làng nghề lược Vạc (Bình Giang)..... Kết quả của khảo sát thực tế tại 61 làng nghề đã được công nhận cho thấy số làng nghề phát triển tốt: có 48 làng (chiếm tỷ lệ 78,7%); số làng nghề chưa phát huy tác dụng là 5

làng (chiếm tỷ lệ 8,2%); và số làng nghề đang gặp khó khăn, có nguy cơ mai một là 8 làng (chiếm tỷ lệ 13,1%).

Thu nhập của lao động ở một số làng nghề thấp, không ổn định, một số lao động trẻ, lao động có nghề bỏ đi tìm việc ở thành phố hoặc làm tại các nhà máy trong khu công nghiệp để hy vọng có việc làm ổn định, dẫn đến hiện nay lao động tại các làng nghề thiếu trầm trọng.

Chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm làng nghề chưa cao, thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu tiêu thụ trong nước; chưa xuất khẩu được nhiều ra thị trường nước ngoài. Toàn tỉnh chưa phát triển được những sản phẩm làng nghề mang tính đặc trưng riêng có để cung ứng cho du khách trong và ngoài tỉnh mua làm quà lưu niệm.

Quy mô của đa số các cơ sở sản xuất trong các làng nghề còn nhỏ lẻ phân tán, manh mún. Công nghệ và trang thiết bị sản xuất còn lạc hậu, chủ yếu vẫn là thủ công. Thiết bị, nhà xưởng sản xuất còn thiếu và nghèo nàn.v.v. Do đó, năng suất lao động còn thấp, hàng hóa sản xuất ra có chất lượng chưa cao, sức cạnh tranh yếu, thu nhập của người lao động chưa ổn định.

Sản xuất tại các làng nghề còn gây ô nhiễm môi trường; các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến thực phẩm bún, bánh đa chưa triển khai thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo đúng quy định mà còn đổ thải ngay tại ao hồ, kênh mương, các khu đất trống trong làng,... nhiều làng nghề trong tỉnh có các thông số môi trường như TSS, COD, BOD5, N- NH3,...vượt quy chuẩn cho phép.

- Về nguyên nhân của hạn chế:

+ Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò của nghề và làng nghề chưa toàn diện; các cấp, các ngành chưa tập trung cao cho công tác phát triển nghề, làng nghề; chưa xây dựng được quy hoạch tổng thể ngắn hạn cũng như dài hạn có tính khả thi cho phát triển làng nghề.

+ Nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ cho phát triển làng nghề (hỗ trợ vốn, chuyển giao khoa học, công nghệ; xây dựng cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, chuyển giao khoa học công nghệ...) còn bất cập nên chưa tác động mạnh mẽ đến các cơ sở sản xuất làng nghề.

+ Tổ chức bộ máy quản lý phát triển nghề, làng nghề còn nhiều bất cập, chưa thống nhất. Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất còn thấp, chưa được qua lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý kinh tế nên điều hành sản xuất còn lúng túng chưa nắm vững chính sách pháp luật các thủ tục cần thiết trong các hoạt động giao dịch kinh doanh.

+ Các làng nghề chưa quan tâm chú trọng đến công tác áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm làng nghề. Các sản phẩm của làng nghề chưa được quảng bá rộng rãi và tính cạnh tranh của sản phẩm chưa cao.

+ Do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu mà những bất ổn của môi trường kinh tế vĩ mô ở nước ta nói chung và các làng nghề nói riêng bị rơi vào tình trạng khó khăn. Điều này đã làm nảy sinh các những tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình và hậu quả là hàng loạt doanh nghiệp đã phải ngừng sản xuất từ đó làm ảnh hưởng đến sức mua của thị trường và ảnh hưởng đến đầu ra cho các sản phẩm của làng nghề.

+ Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho làng nghề còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ lao động được đào tạo mang tính chuyên nghiệp còn ít, phần lớn người lao động được đào tạo qua phương pháp “cầm tay chỉ việc”.

+ Các cấp, các ngành và các chủ thể làm nghề chưa thấy rõ được vị trí, vai trò của du lịch đối với phát triển làng nghề do đó chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương gắn với quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

+ Nguồn vốn ngân sách dành cho phát triển nghề, làng nghề còn ít. Nội dung công tác khuyến công mới đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển nghề và làng nghề, chưa có cơ chế thu hút các nguồn vốn khác, chưa có nguồn kinh phí riêng để phục vụ cho phát triển nghề, làng nghề.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã trình bày khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng tới phát triển làng nghề. Phân tích thực trạng phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương, Về thực hiện các nội dung phát triển làng nghề, lập kế hoạch, quy hoạch phát triển làng nghề ở tỉnh Hải Dương, kết quả phát triển làng nghề, đánh

giá những thành tựu đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân về phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Qua đó làm cơ sở để đề xuất giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương ở chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Định hướng, mục tiêu và quan điểm phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến năm 2035

3.1.1. Định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề

a) Định hướng

Một là, phát triển làng nghề gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Hai là, phát triển mạnh các làng nghề truyền thống, làng nghề mới có sản phẩm tiêu thụ mạnh và có tiềm năng lợi thế của tỉnh, chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp thị hiếu và nhu cầu thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Quan tâm phát triển nghề và làng nghề đi đôi áp dụng công nghệ mới, sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu và xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường làng nghề.

Ba là, phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch góp phần thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ, tạo thêm nhiều việc làm mới. Hướng phát triển các làng nghề truyền thống, độc đáo, mang bản sắc văn hóa dân tộc gắn với địa danh, tuyến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch cộng đồng.

Bốn là, phát triển gắn với bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống, nghề truyền thống có từ lâu đời, tồn tại và phát triển góp phần tạo nên nền văn hóa dân tộc đang có nguy cơ bị mai một.

b) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Phát triển nghề, làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng ngành nghề, giảm tỷ trọng nông – lâm-ngư; bảo đảm phát triển một cách bền vững, thông qua bảo tồn, phát huy được các yếu tố truyền thống, sử dụng nhiều lao động tại chỗ, sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước và không gây ảnh hưởng đến ô nhiễm môi trường; đồng thời chú trọng phát triển các sản phẩm thủ công tiêu biểu thế mạnh của tỉnh có giá trị

kinh tế cao, gắn sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch, văn hoá, lễ hội truyền thống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể:

+ Duy trì làng nghề hiện có hoạt động có hiệu quả, đồng thời tạo mọi điều kiện hỗ trợ khôi phục làng nghề truyền thống, thành lập làng nghề mới nhằm giải quyết nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn, đặc biệt là lao động nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hoá. Phấn đấu từ nay đến năm 2030, mỗi năm phát triển mới từ 4- 5 làng nghề, thu hút thêm 3-5 nghìn lao động vào sản xuất TTCN và làng nghề theo kế hoạch của UBND tỉnh Hải Dương đã đề ra.

+ Xây dựng và cải tạo hạ tầng kỹ thuật trong làng nghề theo hướng vừa phục vụ sản xuất vừa phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân như hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện.v.v..

+ Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm truyền thống có giá trị văn hóa, xây dựng và phát triển làng nghề kết hợp với du lịch.

+ Hình thành lực lượng lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, lực lượng đội ngũ chủ cơ sở sản xuất tại các làng nghề có trình độ quản lý, trình độ tổ chức kinh doanh, tiếp thị sản phẩm, cải tiến mẫu mã...

+ Xã hội hóa việc đầu tư phát triển nghề và làng nghề, xử lý ô nhiễm môi trường cho làng nghề theo hướng khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

3.1.2. Quan điểm phát triển làng nghề

- Thứ nhất, phát triển làng nghề là xu thế tất yếu khách quan trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là bộ phận cấu thành quan trọng trong sản xuất công nghiệp của tỉnh. Do đó phát triển nghề và làng nghề phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển KT- XH tỉnh Hải Dương.

- Thứ hai, phát triển làng nghề không chỉ là một yêu cầu phát triển kinh tế, mà còn là yêu cầu của việc duy trì và phát triển văn hóa - xã hội. Kết hợp hài hòa giữa phát triển làng nghề để góp phần tăng trưởng kinh tế, xây dựng nông thôn mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi

trường, sinh thái và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Thứ ba, phát triển làng nghề phải đặt trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới tác động toàn diện đến đời sống kinh tế của các quốc gia, nên không thể nào không tác động đến làng nghề, đòi hỏi các làng nghề đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

- Thứ tư, phát triển các làng nghề phải dựa trên nội lực của từng địa phương nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực từ các địa phương khác trong cả nước và quốc tế. Phát triển làng nghề với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trong cả nước là một chỉnh thể thống nhất, có mối quan hệ biện chứng.

- Thứ năm, phát triển làng nghề phải dựa trên sự kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống với hiện đại; dân tộc với quốc tế; giữa bản sắc văn hóa riêng với những giá trị văn hóa, thẩm mỹ của nhân loại.

3.1.3. Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh

3.1.3.1. Đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển TTCN và làng nghề

Việc phát triển của các làng nghề TTCN, phụ thuộc rất lớn vào quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước thông qua ban hành, thực thi các chủ trương, chính sách và pháp luật; phù hợp với các quy luật kinh tế khách quan về phát triển TTCN.

Với các chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn. Nhà nước công nhận về pháp lý sự tồn tại, phát triển, vai trò tác dụng tích cực lâu dài của các thành phần kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh trong nền kinh tế quốc dân sẽ giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác tiềm năng, khôi phục, mở ra nhiều nghề mới, cơ sở sản xuất được cải tạo, được tổ chức sản xuất, quản lý theo hướng hiện đại thúc đẩy sản xuất trong toàn bộ nền kinh tế nói chung, các làng nghề nói riêng phát triển.

Thực tế kinh tế Việt Nam những năm qua, nhất là từ khi đổi mới nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng XHCN; chủ trương phát triển

nền kinh tế nhiều thành phần được cụ thể hoá bằng chính sách và pháp luật; nên sản xuất công nghiệp nói chung, làng nghề TTCN đã phát triển tích cực; đóng góp phần quan trọng trong CNH, HĐH kinh tế đất nước.

3.1.3.2. Tác động từ loại hình tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Loại hình tổ chức sản xuất phù hợp sẽ thúc đẩy TTCN nói chung, các làng nghề nói riêng phát triển. Thực tế hiện nay, có nhiều loại hình đã, đang vận hành trong các làng nghề như: hộ sản xuất tại gia đình, tổ hợp tác, Hợp tác xã và loại hình doanh nghiệp dân doanh (*Công ty cổ phần, công ty TNHH, DNTN.v.v.*). Trong đó:

Loại hình sản xuất hộ gia đình là hình thức tổ chức sản xuất cổ truyền, phổ biến trong các làng nghề. Song sản xuất hộ gia đình cũng có một số nhược điểm về tài chính, về thị trường, về cải tiến công cụ và đổi mới công nghệ. Do đó, để các làng nghề phát triển phù hợp với xu thế hiện nay, cần mở rộng các loại hình sản xuất theo hướng phát triển tổ hợp tác, mô hình doanh nghiệp dân doanh.v.v.

Tổ hợp tác sản xuất là hình thức liên kết sản xuất, có tính hiệp tác của một số thợ thủ công hoặc một số hộ gia đình để sản xuất kinh doanh sản phẩm.

Loại hình HTX TTCN là mô hình kinh tế tập thể, đã phát triển khá thịnh vượng trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong cơ chế thị trường hiện nay, loại hình này đang tồn tại những điểm chưa phù hợp, nên đã hạn chế sự phát triển.

Loại hình doanh nghiệp dân doanh (*DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần*) là loại hình sản xuất tiên tiến, có trình độ xã hội hoá cao trong khu vực kinh tế nông thôn. Các hình thức này tuy chưa phổ biến ở làng nghề song bước đầu nó đóng vai trò liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả. Mô hình này, sẽ hạn chế phần nào những khiếm khuyết của sản xuất hộ gia đình, thích ứng với cơ chế thị trường hội nhập.

Các loại hình sản xuất trên, tồn tại đan xen nhau, hợp tác và hỗ trợ cùng phát triển tại các làng nghề, góp phần thực hiện mục tiêu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

3.1.3.3. Tác động của quá trình huy động vốn đầu tư toàn xã hội

Trước đây, một thời gian dài ngành nghề trong các làng, xóm được xem như một nghề phụ, tự cung tự cấp của ngành nông nghiệp. Do đó, nguồn vốn để sản xuất kinh doanh chủ yếu là tự tích lũy của các hộ gia đình, rất nhỏ bé và quá trình tích lũy gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, Nhà nước đang có những chính sách phù hợp để thu hút, huy động nhiều nguồn vốn đầu tư, hoặc đầu tư vào kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, để hỗ trợ tiểu thủ công nghiệp nông thôn và các làng nghề phát triển. Khuyến khích xã hội hoá các nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới. Quá trình huy động vốn đầu tư của xã hội đạt hiệu quả sẽ có tác động thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, qua đó các hoạt động trong khu vực CNNT nói chung, làng nghề nói riêng sẽ phát triển theo.

3.1.3.4. Yếu tố liên quan đến kỹ thuật, công nghệ sản xuất và môi trường sinh thái

Một là, về đặc trưng kỹ thuật: Các thợ thủ công lành nghề, có kỹ thuật cao có ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành và phát triển của các làng nghề. Cần coi trọng và có chế độ đãi ngộ thích hợp với các Nghề nhân nghề TTCN trên địa bàn tỉnh.

Hai là, về công nghệ sản xuất: TTCN là tiền thân của công nghiệp hiện đại. Tiểu thủ công nghiệp đã ra đời từ một nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên. Người nông dân tách ra khỏi sản xuất nông nghiệp thành một người sản xuất độc lập. Vì vậy, công nghệ sản xuất, kỹ thuật có ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của các làng nghề nói riêng; công nghiệp nông thôn nói chung. Quá trình đổi mới công nghệ của các làng nghề thường diễn ra theo tuần tự từ thủ công - bán cơ giới - cơ giới hóa - hiện đại từng khâu.

Ba là, tác động đến môi trường: Lịch sử phát triển của hệ thống làng nghề Việt Nam nói chung, làng nghề của Hải Dương nói riêng phần lớn theo tính tự phát, kiểu phong trào. Khi nền kinh tế phát triển, quy mô các làng nghề lớn dần gặp nhiều vấn đề khó khăn, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường. Môi trường lao động tại các làng nghề trong tỉnh hiện nay rất đáng lo ngại. Nguy cơ tiếp xúc với bụi, nóng, tiếng ồn, hoá chất rất cao. Các chất gây ô nhiễm môi trường xung quanh chủ yếu là nước thải độc hại, hơi khí độc, hoá chất, bụi và tiếng ồn,. đã ảnh

hưởng xấu đến sự phát triển của rất nhiều làng nghề TTCN và cộng đồng xã hội.

3.1.3.5. Các yếu tố liên quan đến thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề

Trong nền kinh tế thị trường có sự định hướng của nhà nước, các quy luật kinh tế như quy luật giá trị, quy luật cung cầu.v.v. luôn tồn tại và vận hành một cách khách quan. Do đó, thị trường tiêu thụ sản phẩm có vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mọi ngành sản xuất vật chất nói chung và sản xuất tại các làng nghề nói riêng. Khi đó, việc xác định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai? quyết định sự thành bại của doanh nghiệp cũng như của mọi làng nghề.

Động lực thúc đẩy các làng nghề TTCN phát triển chính là yếu tố thị trường cho sản xuất. Những làng nghề TTCN thích ứng với cơ chế thị trường thì sẽ phát triển nhanh và ngược lại. Chỉ có trên cơ sở trao đổi được sản phẩm TTCN, thì tái sản xuất mở rộng mới có thể thực hiện được và khi tái sản xuất mở rộng ngày càng có hiệu quả sẽ thúc đẩy các làng nghề TTCN phát triển bền vững.

Do đó, việc xác định, định hướng phát triển làng nghề cần quan tâm đặc biệt tới yếu tố thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, với lợi thế riêng có, mang tính đặc trưng của sản xuất TTCN (*làm thủ công, đơn chiếc, có tính mỹ nghệ.v.v.*) thì việc xác định yếu tố thị trường cần xét thêm trên các khía cạnh, trào lưu tiêu dùng trong từng giai đoạn.

Thực tế hiện nay, xu thế thị trường quốc tế đang chuyển đổi theo xu hướng không chỉ vì công dụng của sản phẩm mà còn kèm theo ý nghĩa của sản phẩm, bối cảnh sản xuất ra sản phẩm hay tính đạo nghĩa mà sản phẩm đó mang lại. Các thông tin cụ thể về sản phẩm được làm bằng nguyên liệu gì? sử dụng phương pháp gì để sản xuất? thể hiện tính xã hội như thế nào? ngày càng được quan tâm. Trong đó, các thông tin liên quan đến việc sử dụng nguyên liệu không xâm hại môi trường (*mây, tre, lá...*), thông tin liên quan đến phương thức sản xuất hoàn toàn thủ công từ bàn tay của người lao động hoặc các sản phẩm đơn chiếc, mang tính độc đáo.v.v. là những yếu tố tác động tích cực lên xu hướng mua sắm hiện đại. Đây sẽ là cơ

hội tốt để các cơ sở TTCN trong các làng nghề tung ra thị trường các sản phẩm truyền thống của mình, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, địa phương nhưng với giá trị tăng thêm cao.

Tuy nhiên, hiện tại thị trường tiêu thụ một số sản phẩm làng nghề của Hải Dương đang gặp khó khăn nhất định do không còn phù hợp với nhu cầu của người dân thành phố. Có nhiều làng nghề có nguy cơ mai một, không thể tiếp tục sản xuất do nhu cầu thị trường giảm; các làng chậm đổi mới sản phẩm, chậm cải tiến mẫu mã như: Thêu tranh An Dương, Ghép trúc La Ngoại; Làng nghề mây, giang xiên Tào Khê, Đào Lâm (Thanh Miện); Làng nghề lược Vạc (Bình Giang). Một số nghề cổ truyền bị thất truyền cũng do không còn nhu cầu thị trường.

3.1.3.6. Tác động từ sự phát triển của các Khu, Cụm công nghiệp tập trung

Sự phát triển của các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tập trung cũng có tác động đáng kể đến sự hình thành và hoạt động của các làng nghề. Các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp hình thành và phát triển, thu hút nhiều dự án đầu tư của các doanh nghiệp; qua đó tạo sức hấp dẫn về lao động và việc làm cho nhân dân, người lao động trong khu vực.

Sự tác động của quá trình phát triển các KCN, CCN đến quá trình hình thành và hoạt động của các làng nghề diễn ra theo hai chiều hướng: một là thu hút lao động trẻ từ các làng nghề vào làm việc trong các doanh nghiệp; gây khó khăn về nguồn nhân lực cho sự phát triển, mở rộng của các làng nghề. Song theo chiều tích cực, khi các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp phát triển sẽ là cơ hội tốt để phát triển các làng nghề sản xuất công nghiệp hỗ trợ làm vệ tinh cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp. Ngoài ra, khi người lao động trong các doanh nghiệp đã lớn tuổi, hoặc do hoàn cảnh điều kiện gia đình, không thu xếp được thời gian làm việc theo dây chuyền công nghiệp; có thể làm việc trong các làng nghề, vẫn đảm bảo duy trì và ổn định cuộc sống.

Do đó, cần phải vận dụng và có định hướng phát triển hợp lý đối với từng vùng, từng địa phương để tận dụng tối đa những tác động từ quá trình phát triển KCN, CCN nhằm phát triển các làng nghề TTCN một cách bền vững, hỗ trợ lẫn nhau.

3.2. Một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035

3.2.1. Nhóm giải pháp về nội dung phát triển làng nghề

3.2.1.1. Hoàn thiện thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề

Thị trường nội địa hiện đang là thị trường quan trọng trong ngắn hạn để phát triển sản xuất TTCN. Các sản phẩm TTCN là đồ gỗ mỹ nghệ, đồ gỗ dân dụng, kim khí, cơ khí, vật liệu xây dựng.v.v. đang được tiêu thụ với khối lượng lớn phục vụ đời sống, sản xuất trên địa bàn tỉnh và các vùng phụ cận. Do đó các làng nghề cần đầu tư đổi mới công nghệ, có hoạt động quảng bá, tiếp thị sản phẩm; liên doanh, liên kết... để sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã hợp thị hiếu với giá cả cạnh tranh. Phát triển hình thức gia công sản phẩm, làm công nghiệp hỗ trợ hoặc làm dịch vụ cho doanh nghiệp lớn để giảm chi phí trung gian, tạo thị trường ổn định, sản phẩm hàng hoá có sức cạnh tranh cao trên thị trường. Bên cạnh đó, cần từng bước thâm nhập, tìm hướng đi thích hợp cho sản phẩm làng nghề thông qua thị trường nước ngoài; để đẩy mạnh xuất khẩu.

Trong nhiều năm qua, hoạt động xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của Hải Dương nói chung, hàng của các làng nghề TTCN nói riêng còn hạn chế. Các sản phẩm làng nghề của tỉnh chủ yếu được xuất khẩu thông qua các doanh nghiệp lớn tại các tỉnh thành phố lớn trên cả nước, với số lượng không nhiều. Do đó, cần xây dựng đồng bộ chính sách, kế hoạch đầu tư nghiên cứu, kế hoạch khuyến khích sản xuất hàng TTCN dùng cho xuất khẩu. Sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài cần phù hợp thị hiếu và tiêu chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh khuyến khích đầu tư công nghệ, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng công nghiệp, khai thác được triệt để các năng lực truyền thống của địa phương để sản xuất. Phát huy lợi thế vốn có của các sản phẩm làng nghề bước đầu đã thâm nhập thị trường nước ngoài, đồng thời không ngừng tìm tòi, phát triển, mở ra các nghề mới, sản xuất sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu và nhu cầu trên thế giới để khẳng định vị thế trên thị trường.

Phát triển làng nghề gắn với du lịch: Hải Dương là một vùng quê văn hiến còn bảo tồn nhiều di sản văn hoá, mang đậm bản sắc dân tộc, với hơn 1.000 di tích

lịch sử, trong đó gần 100 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia... vì thế, tiềm năng du lịch làng nghề ở Hải Dương rất lớn, việc phát triển du lịch gắn với các làng nghề truyền thống là hướng phát triển phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế. Trong những năm gần đây, lượng khách du lịch đến thăm quan các danh thắng, các điểm dừng chân du lịch của Hải Dương duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao. Nhu cầu khách nước ngoài mua các sản phẩm chạm khắc gỗ, tượng gỗ, tượng đồng, tượng gốm nhỏ, gốm mỹ nghệ, gốm sứ Chu Đậu,... ngày càng tăng. Do đó, cần khuyến khích đầu tư nghiên cứu mẫu mã, kiểu dáng phù hợp thị hiếu, sản phẩm có tính đặc trưng cao. Ngành du lịch cần phối hợp với các ngành chức năng trên địa bàn, tổ chức các tour du lịch di tích lịch sử, di tích văn hoá và du lịch làng nghề. Mở các cửa hàng giới thiệu sản phẩm TTCN truyền thống ở các điểm dừng chân nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề TTCN.

Phát huy lợi thế của quần thể di tích du lịch trọng điểm quốc gia Côn Sơn - Kiếp Bạc để phát triển, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thủ công mỹ nghệ của các làng nghề trong tỉnh dưới dạng quà tặng, hàng lưu niệm, mua sắm truyền thống.v.v. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các tuyến giao thông nội tỉnh, nội huyện cùng với hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ; Gắn du lịch làng nghề với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch ẩm thực, mua sắm, du lịch về cội nguồn để tăng khả năng chiếm lĩnh thị trường.

3.2.1.2. Hoàn thiện nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề

a) Hoàn thiện nâng cao chất lượng sản phẩm làng nghề và đa dạng hoá sản phẩm làng nghề

(1) Cải tiến kỹ thuật và công nghệ sản xuất: Ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, như máy móc hỗ trợ chế tác thủ công, sấy khô, in ấn, khắc laser...; Chuyển giao kỹ thuật từ các viện nghiên cứu, trường đại học; Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật tiên tiến cho nghệ nhân và người lao động làng nghề.

(2) Tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất: Xây dựng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, ISO, OCOP... tùy theo loại hình sản phẩm; Áp dụng hệ thống kiểm

soát chất lượng (QA/QC) ở các khâu sản xuất; Phát triển các sản phẩm chủ lực đạt chuẩn OCOP (mỗi xã một sản phẩm).

(3) Đổi mới mẫu mã sản phẩm phù hợp thị hiếu thị trường: Hợp tác với các nhà thiết kế, viện mỹ thuật để sáng tạo mẫu mã hiện đại nhưng vẫn giữ hồn cốt truyền thống. Tổ chức các cuộc thi thiết kế sản phẩm làng nghề để thu hút ý tưởng mới.

b) Hoàn thiện xây dựng và phát triển thương hiệu làng nghề

Đây là một công việc mới hoàn toàn, vì vậy để việc xây dựng và định vị thương hiệu đạt được kết quả như mong muốn cần có một chiến lược bài bản, kế hoạch thực hiện cụ thể cho từng bước. Có thể thực hiện theo tiến trình như sau:

Trước tiên phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho các chủ cơ sở sản xuất, về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu. Khi họ đã nhận thức được tầm quan trọng của thương hiệu thì vận động họ tham gia các hiệp hội ngành nghề, hiệp hội làng nghề để có tư cách pháp nhân đứng ra đăng ký nhãn hiệu. Trình tự xây dựng thương hiệu làng nghề có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước thứ nhất, xác định sứ mệnh của thương hiệu làng nghề bằng cách phân tích 4 nội dung chủ yếu sau:

- + Xác định đối tượng khách hàng của làng nghề, điều quan trọng là cần phải xác định thị trường của làng nghề, tức là tìm hiểu đối tượng khách hàng chính của làng nghề là ai? thuộc nhóm khách hàng nào?

- + Tìm hiểu những mong đợi của khách hàng về làng nghề bằng cách trả lời qua những câu hỏi như: Vì sao khách hàng muốn mua sản phẩm của làng nghề? Khách hàng cần mua sản phẩm gì hoặc khách hàng muốn thỏa mãn điều gì khi đến làng nghề, khi mua sản phẩm?

- + Xác định giá trị cốt lõi đáp ứng mong đợi của khách hàng, tức là phải xác định lợi thế của làng nghề là điều đem lại lợi ích, làm thỏa mãn nhu cầu của nhóm khách hàng chính của làng nghề. Lợi thế ấy chính là những yếu tố tạo nên giá trị cốt lõi cho làng nghề như đặc tính sản phẩm, sự độc đáo, giá trị văn hóa kết tinh, làm cho làng nghề có sự khác biệt, đặc trưng riêng mà nơi khác không có.

- + Xác định triết lý theo đuổi của thương hiệu, tức là xác định đâu là niềm

tin cơ bản, giá trị, nguyện vọng của làng nghề.

Bước thứ hai, xây dựng các yếu tố nhận dạng thương hiệu nhằm đảm bảo sự nhận biết của khách hàng và sự liên hệ trong tâm trí khách hàng về thương hiệu. Xây dựng các yếu tố thương hiệu cho làng nghề phải tuân theo triết lý chung làng nghề đã xác định cho thương hiệu.

+ Thiết kế logo, biểu tượng, đây là những yếu tố mang tính đồ họa đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên giá trị thương hiệu, đặc biệt về khả năng nhận biết thương hiệu, khi tạo logo cho thương hiệu phải đảm bảo các yêu cầu chung là có ý nghĩa, đơn giản, dễ vẽ, dễ nhớ, độc đáo.

+ Thiết kế câu khẩu hiệu (slogan), là một bộ phận cấu thành của thương hiệu, nó chiếm vị trí không kém phần quan trọng trong thương hiệu. Tương tự như biểu tượng, câu khẩu hiệu của làng nghề phải thể hiện được đặc trưng, ý nghĩa riêng của làng nghề, của sản phẩm.

+ Bao bì sản phẩm, thông thường đối với người tiêu dùng và nhà sản xuất, bao bì phải đáp ứng các yêu cầu sau: Phải xác định và thể hiện được thương hiệu, truyền tải những thông tin mô tả và thuyết phục về sản phẩm.

+ Làm tài liệu truyền thông giới thiệu về làng nghề, nội dung tài liệu phải ngắn gọn nhưng súc tích và giàu hình ảnh, tạo cho người đọc hay người xem sự yêu thích và mong muốn tìm hiểu về làng nghề.

Bước thứ ba là quản lý thương hiệu, bao gồm các công việc:

- + Xác định Tổ chức quản lý thương hiệu;
- + Lựa chọn hình thức bảo hộ pháp lý đối với thương hiệu;
- + Đăng ký xác lập quyền bảo hộ đối với thương hiệu;
- + Hình thành khuôn khổ chung để quản lý việc sử dụng thương hiệu.

Bước cuối cùng là quảng bá thương hiệu, có thể quảng bá thương hiệu làng nghề thông qua các hình thức sau: Tham gia hội chợ triển lãm; Tổ chức sự kiện; Thông qua các tài liệu truyền thông; Xây dựng trang web; Quảng cáo.

Đồng thời phải không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng mạng lưới phân phối và tăng cường quảng bá thương hiệu. **Đăng ký sở hữu trí tuệ**

và thương hiệu. Tỉnh hỗ trợ các làng nghề đăng ký nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý.

3.2.1.3. Hoàn thiện kênh phân phối sản phẩm làng nghề

Kênh phân phối đóng vai trò then chốt trong việc đưa sản phẩm làng nghề đến tay người tiêu dùng, quyết định mức độ nhận diện và tiêu thụ của sản phẩm trên thị trường. Tuy nhiên, hiện nay kênh phân phối của các làng nghề tại Hải Dương còn manh mún, phụ thuộc nhiều vào thương lái, thiếu sự liên kết và tính chuyên nghiệp. Để khắc phục thực trạng này, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

(1) *Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối hiện đại gắn với thương mại điện tử.* Cần hỗ trợ các cơ sở làng nghề tiếp cận các nền tảng số như sàn thương mại điện tử (Shopee, Lazada, Tiki, Amazon...), mạng xã hội (Facebook, Zalo, TikTok...), qua đó mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước. Đồng thời, tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng bán hàng online, quảng bá sản phẩm số cho người dân và doanh nghiệp.

(2) *Phát triển các điểm bán hàng và trung tâm giới thiệu sản phẩm làng nghề tại các đô thị, khu du lịch trọng điểm trong và ngoài tỉnh.* Cần có chính sách ưu đãi mặt bằng, hỗ trợ quảng bá để các sản phẩm làng nghề có vị trí tiêu thụ ổn định và dễ tiếp cận với khách hàng.

(3) *Tăng cường kết nối cung cầu giữa các làng nghề với doanh nghiệp phân phối, bán lẻ, siêu thị, chuỗi cửa hàng tiện lợi.* Chính quyền địa phương có thể đóng vai trò trung gian xúc tiến thương mại, tạo các chương trình kết nối thường niên nhằm hình thành các hợp đồng tiêu thụ ổn định, bền vững.

(4) *Cần quy hoạch và đầu tư phát triển các cụm làng nghề tập trung, kết hợp du lịch trải nghiệm,* nhằm đưa sản phẩm đến gần hơn với du khách – một kênh phân phối mang lại giá trị gia tăng cao và bền vững cho sản phẩm truyền thống địa phương.

3.2.1.4. Hoàn thiện xúc tiến truyền thông sản phẩm làng nghề

Duy trì tạp chí xúc tiến thương mại trên đài truyền hình tỉnh nhằm tăng cường các hình thức thông tin, quảng bá các tiềm năng thế mạnh, các sản phẩm truyền thống đặc trưng các làng nghề. Đẩy mạnh các chính sách đầu tư phát triển sản xuất của làng nghề tìm kiếm đối tác, duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; mời gọi các

nhà đầu tư đến Hải Dương phát triển sản xuất kinh doanh. Tích cực tham gia các kỳ hội chợ, triển lãm về làng nghề truyền thống ở Việt Nam. Thường xuyên tổ chức các giao lưu văn hoá - thương mại giữa các làng nghề trong khu vực đồng bằng sông Hồng với các hình thức phong phú như: tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, trình diễn kỹ thuật chế tác sản phẩm, hội chợ triển lãm thủ công mỹ nghệ, trình bày giới thiệu các sản phẩm thủ công.

3.2.1.5. Hoàn thiện phát triển đội ngũ làm nghề và số lượng làng nghề

Lao động là yếu tố quan trọng, quyết định của lực lượng sản xuất. Do đó, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vô cùng quan trọng, nhất là trong các làng nghề TTCN sử dụng nhiều lao động và có lợi thế phát triển như: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản, kim khí, chế tác vàng bạc... Quá trình đào tạo phải gắn với việc sử dụng lao động vào phát triển những ngành nghề TTCN truyền thống; giải quyết nhiều việc làm cho nông dân.

Xây dựng kế hoạch đào tạo lao động cho các làng nghề hiện đã được công nhận và đang triển khai hoạt động; xuất phát từ nhu cầu, đặc điểm của từng làng nghề, với những hình thức thích hợp. Quản lý và sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí khuyến công trung ương, địa phương và Quỹ khuyến nông,...

Tăng cường hỗ trợ việc bồi dưỡng kiến thức quản trị kinh doanh, văn hoá, công nghệ, kỹ thuật... cho các chủ cơ sở sản xuất trong làng nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Mở các lớp tập huấn ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý, kế toán, tiếp thị, thị trường. Khuyến khích thành lập các câu lạc bộ giám đốc để thu hút đội ngũ các chủ doanh nghiệp tới sinh hoạt, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm...

Đa dạng hoá các loại hình dạy nghề. Khuyến khích dạy nghề theo lối truyền nghề; phối kết hợp với các cơ sở đào tạo, dạy nghề ở trung tâm đô thị lớn, dạy nghề cho lao động làng nghề về kỹ thuật, mỹ thuật, tạo mẫu mã sản phẩm thủ công mỹ nghệ; nâng cao trình độ văn hoá cho dân cư ở vùng sản xuất TTCN.

Thực hiện tốt chế độ ưu đãi nghệ nhân, khuyến khích các nghệ nhân truyền nghề, đào tạo lớp thợ giỏi kế nghiệp. Nâng lực lượng nghệ nhân, những ông tổ

nghề truyền thống, để tìm đến con cháu và dòng họ tổ nghề đã được truyền lại. Mở các hội thi mời các nghệ nhân, thợ thủ công giỏi trình diễn tay nghề, tôn vinh nghệ nhân, tôn vinh tổ nghề, có cơ chế công nhận phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật bằng những lợi ích vật chất, tinh thần xứng đáng... để thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong phát triển làng nghề.

3.2.1.6. Tiếp tục tích cực bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - truyền thống của làng nghề

Thứ nhất, cần tiến hành kiểm kê, số hóa và tư liệu hóa các giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề, như kỹ thuật chế tác, câu chuyện lịch sử, truyền thuyết dân gian, nhằm lưu giữ lâu dài và tạo nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu, giáo dục và quảng bá.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ, đặc biệt là trong các gia đình có truyền thống. Tỉnh cần có chính sách hỗ trợ nghệ nhân mở lớp dạy nghề, ưu đãi cho thanh niên học nghề và khuyến khích hình thành các mô hình “nghề truyền nghề” trong cộng đồng.

Thứ ba, bảo tồn không gian văn hóa làng nghề thông qua việc quy hoạch hợp lý, tránh đô thị hóa làm mai một làng nghề truyền thống. Đồng thời phục dựng và duy trì các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian gắn với nghề như lễ rước tổ nghề, hội thi tay nghề, biểu diễn nghệ thuật dân tộc...

Thứ tư, gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch làng nghề. Tỉnh Hải Dương có thể xây dựng các tuyến du lịch trải nghiệm văn hóa nghề truyền thống như gồm Chu Đậu, chạm khắc gỗ Đông Giao, mây tre đan, bánh đậu xanh... giúp du khách hiểu và trân trọng hơn các giá trị di sản.

Thứ tư, cần nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của văn hóa - truyền thống trong phát triển kinh tế làng nghề, từ đó khơi dậy niềm tự hào, trách nhiệm gìn giữ và phát triển di sản quý báu này.

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về phát triển làng nghề

3.2.2.1. Hoàn thiện xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề

Xây dựng quy hoạch phát triển làng nghề phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Hải Dương và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của các

địa phương trong tỉnh, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Quy hoạch phát triển làng nghề gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông
- Quy hoạch phát triển làng nghề cần kết hợp yếu tố hiện đại và yếu tố truyền thống; gắn với thị trường tiêu thụ.
- Các làng nghề phải lấy sản xuất hàng hoá là hướng chính cho phát triển. Do đó, việc đổi mới về trang thiết bị, công nghệ mới làm tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm đặc thù có giá trị sử dụng cao, phù hợp thị trường là xu thế tất yếu.
- Quy hoạch phát triển làng nghề phải đảm bảo mục tiêu duy trì và phát triển làng nghề hiện có, phát triển thêm làng nghề mới tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.
- Trong kỳ quy hoạch, cần phát triển làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở đa dạng hoá ngành nghề, để thỏa mãn nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của sản xuất và tiêu dùng.
- Ưu tiên phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống, những nghề tinh xảo có khả năng thu hút khách du lịch thông qua trưng bày sản phẩm, tổ chức sản xuất tại chỗ cho du khách xem như nghề gốm sứ Chu Đậu- Nam Sách, làng Gốm mỹ nghệ Đông Giao- Cẩm Giàng;....
- Quy hoạch phát triển và xây dựng đồng bộ các cụm công nghiệp làng nghề nhằm tạo mặt bằng sản xuất và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư ra cụm công nghiệp làng nghề.
- Bên cạnh đó, xây dựng đề án phát triển làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch, đồng thời xây dựng kế hoạch sử dụng đất cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề, cụm công nghiệp làng nghề.

3.2.2.2. Thành lập Hiệp hội làng nghề

Hiệp hội làng nghề là đòi hỏi khách quan trong quá trình phát triển nghề, làng nghề sản xuất ở cả nước nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng, do đó cần khuyến khích thành lập hiệp hội tại các làng nghề sản xuất. Việc thành lập và đi vào hoạt động của các hiệp hội làng nghề sẽ tạo điều kiện cho các nghệ nhân, cơ sở sản xuất,

doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà nghiên cứu có điều kiện tiếp xúc, trao đổi, tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước, trong khu vực thông qua việc tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề. Bên cạnh đó, Hiệp hội làng nghề còn là cầu nối giữa các hội viên với chính quyền địa phương trong việc báo cáo và nắm bắt tình hình sản xuất và mở rộng sản xuất,... Hiệp hội cũng là tổ chức đại diện cho các hộ sản xuất trong việc hướng dẫn, tìm kiếm thị trường nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Đặc biệt, Hiệp hội sẽ đảm nhiệm vai trò kêu gọi các tổ chức hỗ trợ cho các hoạt động ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động sản xuất của làng nghề và chịu trách nhiệm trong công tác đào tạo, truyền nghề.

3.2.2.3. củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đổi mới quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển làng nghề.

Trước hết chính quyền các cấp cần chú trọng củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực phát triển làng nghề từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở hoạt động có hiệu quả: Đối với Sở Công Thương thuộc UBND tỉnh cần quan tâm kiện toàn tổ chức, bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động của phòng chuyên môn về quản lý Công nghiệp- TTCN, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến thương mại; đối với phòng Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện cần phân công một Phó trưởng phòng có năng lực phụ trách mảng công tác TTCN và làng nghề và bố trí số lượng cán bộ hợp lý để theo dõi, quản lý mảng công tác này; đối với cấp xã cần quan tâm bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn phụ trách công tác TTCN, làng nghề và tăng cường tuyên truyền về phát triển làng nghề cho các cấp uỷ, chính quyền thôn. Chính quyền các cấp cần phải đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khai thác tối đa mọi nguồn lực cho phát triển làng nghề. Triển khai rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, nhất là trong việc thuê đất, thực hiện thủ tục vay vốn,... để tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tiếp cận được các chính sách.

3.2.2.4. Tăng cường liên kết kinh tế giữa cơ sở sản xuất nghề, làng nghề với các chủ thể khác

Việc gìn giữ, phát triển các làng nghề đang được UBND tỉnh chú trọng đặc

biệt. UBND tỉnh cần hỗ trợ nhiều hơn cho nguồn vốn khuyến công. Bên cạnh đó, UBND tỉnh cần tăng cường chỉ đạo ngành công thương tập trung triển khai thực hiện chương trình xây dựng một số xã nghề tại các địa phương nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Đồng thời triển khai lồng ghép các chương trình, dự án phi chính phủ để phát triển các làng nghề... để các làng nghề có thể dễ dàng định hướng phát triển ổn định, bền vững. Tùy theo mức độ phát triển của sản phẩm nghề trong nền kinh tế thị trường mà có sự phát triển của loại hình kinh tế phù hợp. Để phát triển sản phẩm nghề cần có các giải pháp riêng, nhưng để phát triển loại hình kinh tế nào tác động hỗ trợ phát triển sản phẩm nghề tốt nhất thì cần phải được nghiên cứu đầy đủ theo hướng hỗ trợ phát triển làng nghề, như vậy mới có hướng đi phù hợp nhất.

Thực tế có thể chứng minh mô hình HTX có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển làng nghề. Với việc mở rộng hình thức kinh doanh, liên kết phát triển của mình, HTX có thể đảm bảo quyền lợi cho mỗi thành viên HTX. Các HTX nên phát triển hình thức kết hợp với du lịch, thông qua đó quảng bá được thương hiệu sản phẩm đối với du khách. Đó là một chiến lược cần thiết để có thể phát triển hơn nữa thương hiệu của mỗi làng nghề... Hiện nay, có rất nhiều làng nghề đang dần phát triển dựa trên nền tảng của mô hình đang phát huy rất tốt vai trò của mình trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm của làng nghề. Để phát triển làng nghề truyền thống liên kết với du lịch UBND cần đẩy mạnh công tác thành lập các tổ hợp tác. Cách làm này sẽ mang lại hiệu quả bởi khi có sự liên kết, việc triển khai trở nên đồng bộ, phát huy được hiệu quả một cách tối đa.

Bên cạnh đó cần phát huy vai trò của các cơ quan có liên quan như: Trung tâm Dịch vụ việc làm 8/3 thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh trong việc tổ chức tư vấn, hỗ trợ đào tạo nghề cho phụ nữ ở các làng nghề, tư vấn thành lập làng nghề; Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ cho một số làng nghề về đào tạo nghề cho Hội viên Hội nông dân; Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động- Thương binh và Xã hội tham gia hỗ trợ, đào tạo nghề cho con em khu vực nông thôn;....

3.2.2.5. Về vốn cho phát triển làng nghề

Vốn là yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất nói chung, của sản xuất tại các làng nghề TTCN nói riêng. Tuy nhiên, thực tế hiện nay nguồn vốn sản xuất kinh doanh trong các làng nghề TTCN thường rất nhỏ, chủ yếu là vốn tự có của chủ hộ kinh doanh. Do đó, về trước mắt cũng như trong lâu dài, Nhà nước có các chính sách nhằm hỗ trợ cung ứng vốn cho phát triển TTCN, nhất là tại các làng nghề.

Trước hết tại các làng nghề, cần khai thác có hiệu quả các nguồn vốn của chủ xí nghiệp, tiền lãi tái đầu tư, vốn vay bà con, bạn bè, tiết kiệm tiêu dùng để làm vốn đầu tư. Tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, khuyến khích cơ sở sản xuất mở rộng sản xuất bằng nguồn vốn tự có hoặc tự huy động được, tăng cường tích lũy vốn cho đầu tư phát triển sản xuất.

Có kế hoạch mở rộng các loại hình tín dụng làng nghề, với lãi suất hoặc một cơ chế tạo vốn hợp lý. Phát triển các hình thức tín dụng nhân dân, công ty đầu tư tài chính, có chính sách bảo vệ lợi ích người đi vay và cho vay. Khai thác tốt các nguồn vốn viện trợ, nguồn vốn cho vay dự án doanh nghiệp vừa và nhỏ, dự án liên doanh liên kết sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm với lãi suất ưu đãi cho các làng nghề.

Cải tiến thủ tục, kỹ thuật quản lý của các tổ chức tín dụng, quy định thế chấp vốn vay cho phù hợp với công nghiệp nông thôn và làng nghề. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất làng nghề được tiếp cận các nguồn vốn, nhất là vốn vay trung hạn, dài hạn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

3.3.2.6. Về cơ sở hạ tầng, đường giao thông, mặt bằng sản xuất.

Kết cấu hạ tầng kinh tế- kỹ thuật nông thôn là điều kiện vật chất để phát triển kinh tế nói chung, phát triển làng nghề TTCN nói riêng. Trên cơ sở xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn thì các cơ sở sản xuất TTCN mới có điều kiện phát triển. Giao lưu hàng hoá được đẩy mạnh giữa các vùng, địa phương

trong cả nước, để giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới. Nhiều năm qua, Hải Dương đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu nhất định của sản xuất và đời sống. Nhưng so với yêu cầu CNH, HĐH nông thôn, thì hệ thống hạ tầng đó vẫn trong tình trạng thấp kém, thiếu đồng bộ. Do đó, để góp phần phát triển làng nghề TTCN, cần triển khai thực hiện một số giải pháp gồm:

Về cơ sở hạ tầng: Cần có những chế tài về việc đóng góp tài chính để đầu tư, xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề. Từng bước đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải... trong các làng nghề, các khu, cụm TTCN tập trung, theo phương châm nhà nước và nhân dân, doanh nghiệp cùng làm. Ngân sách Nhà nước (Trung ương và địa phương), thông qua nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, hàng năm sẽ dành kinh phí từ 5 đến 10 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải, thu gom rác thải tại tất cả các làng nghề đã được UBND tỉnh công nhận. Quá trình đầu tư và hỗ trợ đầu tư hệ thống xử lý môi trường tại các làng nghề cần được phân kỳ hợp lý theo từng giai đoạn; gắn với các làng nghề trọng điểm về nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như: làng nghề chế biến thực phẩm, sản xuất giấy da... Trong đó cần chú trọng đầu tư các hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước và xử lý nước thải, rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về hệ thống giao thông: làm tốt công tác khảo sát, quy hoạch đồng bộ hệ thống giao thông đảm bảo lưu thông hàng hoá; vừa xây dựng, vừa cải tạo, duy

tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông hiện có, nâng cấp tuyến giao thông liên huyện, liên xã, liên thôn, kiên cố hoá tuyến đường nội thôn trước mắt ở khu vực sản xuất TTCN; cùng với vốn đầu tư của ngân sách, đẩy mạnh huy động vốn đóng góp từ doanh nghiệp và dân cư; phân cấp quản lý, khai thác, công khai vốn đầu tư và triển khai thi công xây dựng một cách minh bạch, đảm bảo tiến độ.

Về mặt bằng sản xuất: Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề, khu sản xuất tập trung. Trên cơ sở công khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển công nghiệp, tỉnh sẽ dành quỹ đất và

thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp, khu vực sản xuất tập trung để các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Quy hoạch dành quỹ đất hợp lý để hình thành các khu vực sản xuất tập trung, xa khu dân cư. Khuyến khích các cơ sở sản xuất trong các làng nghề, khu dân cư chật hẹp di dời vào các khu sản xuất tập trung; nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng bền vững.

Về khai thác nguồn nguyên liệu

Đối với các nghề và làng nghề có nguồn nguyên liệu ổn định, sẵn có trong tỉnh hoặc trong nước thì cơ sở sản xuất cần tập trung vào việc ổn định nguyên liệu thu mua, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào. Dựa trên việc khảo sát nhu cầu nguyên liệu của các cơ sở sản xuất và kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, Nhà nước cần có chính sách ổn định lâu dài đối với các vùng nguyên liệu đã có sẵn, đồng thời tiếp tục quy hoạch các vùng nguyên liệu mới trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu.

Đối với các nghề, làng nghề có nguồn nguyên liệu không ổn định như làng nghề giấy da, mây tre đan... giải pháp nguyên liệu cho các nghề cụ thể có thể được thực hiện theo hướng sau: Hoàn thiện tốt công tác tổ chức thu mua,

củng cố các thị trường thu mua hiện tại, mở rộng thị trường thu mua mới bằng cách xây dựng và hệ thống lại các đầu mối thu gom nguyên liệu trong và ngoài tỉnh. Nhà nước cần xây dựng chợ đầu mối tại làng nghề để thu gom nguyên liệu trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận. Ngoài ra cần tăng cường liên kết với các địa phương khác để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

3.2.3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

3.2.3.1. Giải pháp nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cho các làng nghề

Đổi mới công nghệ và kỹ thuật trong sản xuất tại các làng nghề TTCN phải đặt trong bối cảnh cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới, trong nước và điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh. Trong kỳ quy hoạch, phát triển làng nghề TTCN cần nghiên cứu sự ảnh hưởng của khoa học kỹ thuật để xác định hướng đi đúng đắn.

Trong đó xác định ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phải phục hồi, hiện đại hoá, theo thứ tự ưu tiên, lấy thị trường làm động lực phát triển.

Xây dựng một cơ cấu công nghệ đa dạng nhiều trình độ, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, đi vào công nghệ hiện đại ở những khâu sản xuất quyết định; chọn lựa công nghệ vốn đầu tư thấp, thu hồi vốn nhanh, tạo nhiều việc làm. Do vậy cần triển khai một số biện pháp sau:

Một là, việc lựa chọn mô hình áp dụng kỹ thuật và công nghệ đối với từng ngành nghề TTCN, có thể chia làm hai nhóm: thứ nhất, nhóm sản xuất sản phẩm hàng hoá độc đáo, có tính cổ truyền dân tộc như trạm khảm gỗ, chế tác vàng bạc, đồ gốm mỹ nghệ,...nên phát huy công nghệ truyền thống, động viên phục hồi và phát triển, sử dụng kỹ thuật hiện đại ở những khâu cần thiết, phát huy sức sáng tạo của nghệ nhân; thứ hai, những mặt hàng mang giá trị sử dụng thông dụng như sản xuất gạch ngói, bún, bánh.v.v. cần đầu tư đổi mới tiến đến công nghệ hiện đại.

Hai là, có cơ chế huy động vốn từ nhiều nguồn, đặc biệt thu hút vốn từ khu vực ngoài nhà nước, vốn vay tín dụng ngân hàng, vốn hỗ trợ trực tiếp của nhà nước... Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ sản xuất TTCN bằng nhiều nguồn vốn linh

hoạt, hiệu quả. Có chính sách ưu đãi về tín dụng, về thuế đối với cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm mới phục vụ xuất khẩu hoặc thay thế sản phẩm nhập khẩu.

Ba là, tăng cường hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất TTCN lựa chọn công nghệ phù hợp với sản xuất và thị trường; hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, công nghệ mới, tổ chức liên kết trong nghiên cứu. Đào tạo, bồi dưỡng, tăng cường thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, người có trình độ chuyên môn cao theo những hình thức thích hợp trên cơ sở tạo lập môi trường pháp lý phù hợp gắn kết giữa nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu, triển khai nhanh chóng đề tài, sáng kiến ứng dụng công nghệ.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí khuyến công trung ương và địa

phương để hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến tại các cơ sở sản xuất trong làng nghề. Thực hiện hỗ trợ các cơ sở sản xuất trong làng nghề tổ chức mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, sử dụng máy móc thiết bị tiên tiến để nhân rộng thông qua các đề án khuyến công hàng năm.

3.2.3.2. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Đối với cơ sở sản xuất làng nghề:

Tăng cường công tác tuyên truyền Luật bảo vệ môi trường và các văn bản chỉ đạo của các cơ quan ban ngành nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, nhất là đối với cơ sở sản xuất và người dân làng nghề.

Thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phải có bản cam kết bảo vệ môi trường tùy theo quy mô sản xuất. Tuân thủ quy trình xử lý khí thải, nước thải và thu gom rác thải, chất rắn trong làng nghề, khu vực có nghề. Một số ngành nghề không được mở rộng quy mô sản xuất theo quy định phải thực hiện nghiêm các cam kết và các biện pháp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết môi trường đã được phê duyệt và phải di dời dần ra cụm công nghiệp làng nghề;

Đưa các quy định cụ thể về môi trường vào hương ước, chỉ tiêu xây dựng Làng văn hoá, để mọi người thực hiện. Thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cùng với vốn đóng góp của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp làng nghề để cải tiến, áp dụng các thiết bị công nghệ tiên tiến trong sản xuất giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Đối với Nhà nước:

Thực hiện quy hoạch và xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề (đối với các làng nghề chưa có khu, cụm công nghiệp), đồng thời rà soát toàn bộ quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề đã được xây dựng để thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, khu vực thu gom rác thải công nghiệp tập trung.

Thực hiện việc giám sát chất lượng môi trường, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Luật bảo vệ môi trường, các quy định về môi trường, việc thu phí về môi trường và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm về môi trường;

Tăng cường tuyên truyền giáo dục ý thức của người dân, cơ sở sản xuất làng nghề về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của họ trong việc đóng góp kinh phí bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó cần có bộ phận và cán bộ chuyên trách đủ năng lực, quyền lực và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực thi công tác bảo vệ môi trường, có những chế tài cụ thể bảo đảm xử phạt nghiêm minh đối với những cơ sở sản xuất vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

3.2.4. Một số giải pháp khác

3.2.4.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của phát triển làng nghề

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa to lớn trong phát triển các làng nghề cho đội ngũ cán bộ công chức, công nhân lao động và toàn thể nhân dân qua đó, tích cực quan tâm, định hướng du nhập nghề mới và phát triển làng nghề trong tỉnh một cách bền vững.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách về phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường; trong đó cần tập trung tuyên truyền các chính sách đầu tư, hỗ trợ của nhà nước đến các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân.

3.2.4.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp về phát triển làng nghề

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm khuyến khích, khai thác tối đa mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất nói chung, làng nghề nói riêng. Triển khai rà soát các thủ tục hành chính trong thu hút đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh; bổ sung, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, nhất là trong việc thuê, đấu thầu, chuyển nhượng đất, vay vốn,... tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất và các cá nhân tiếp cận được các chính sách một cách hiệu quả

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với quá trình hoạt động và phát triển của các làng nghề TTCN trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước thông qua công cụ kinh tế là chính, hỗ trợ tạo lập môi trường kinh doanh thông

thoáng, cởi mở, bình đẳng, minh bạch, để xây dựng và hình thành hệ thống làng nghề TTCN cổ truyền và hiện đại. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở công nghiệp nông thôn, các làng nghề trên địa bàn tỉnh, kịp thời triển khai biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

Tiến hành điều tra, khảo sát toàn diện, xây dựng một chiến lược phát triển làng nghề phù hợp đặc thù của tỉnh. Khuyến khích xây dựng thương hiệu làng nghề, thương hiệu sản phẩm, nhất là sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị kỹ, mỹ thuật cao nhằm mục tiêu phát triển làng nghề một cách bền vững.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở định hướng, mục tiêu phát triển làng nghề, quan điểm phát triển làng nghề, dự báo các yếu tố tác động đến phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đề án đã đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

KẾT LUẬN

Phát triển làng nghề là một chủ trương lớn của Đảng; nhằm thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Trong những năm qua, các làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã hình thành, phát triển mạnh và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Hệ thống làng nghề trong tỉnh đã thu hút và giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 31.500 lao động; thúc đẩy mạnh mẽ phân công lao động trong nội bộ từng thôn - xóm, thu hút lao động dôi dư, giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương; tăng thu nhập cho khu vực nông nghiệp, nông thôn; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đóng góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế và thực hiện an sinh, công bằng xã hội toàn tỉnh.

Đề tài ***“Phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương”*** đã giải quyết được các vấn đề chủ yếu sau:

- Hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận về làng nghề và phát triển làng nghề; các nhân tố ảnh hưởng hưởng và tiêu chí phân loại làng nghề; tiêu chí phát triển làng nghề, Nội dung phát triển làng nghề. Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển làng nghề ở một số địa phương trong nước từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho tỉnh Hải Dương

- Giới thiệu tổng quan về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương có ảnh hưởng đến phát triển làng nghề. Khảo sát và đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2024.

- Đề xuất các định hướng, mục tiêu, quan điểm phát triển, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển làng nghề trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến 2030.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] PGS,TS Phan Huy Đường (2015), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội

[2] Đại học Thương Mại (2021). *Giáo trình nguyên lý Quản lý kinh tế*, NXB Hà Nội.

[3] Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn

[4] Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ.

[5] Quyết định số 49/2020/NĐ-CP ngày 12/4/2018 ra đời thay thế Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ đã quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan QLN về làng nghề, ngành nghề nông thôn.

[6] Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 về việc công nhận làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hải Dương

[7] Quyết định 820/QĐ-UBND năm 2013 ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

[8] Nghị định 52/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương

[9] Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

[11] Chính phủ (2018). *Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn*.

[12] Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

[13] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

[14] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025

[15] Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

[15] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.*

[16] Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.*

[17] Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 về việc ban hành *Quy định về công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương.*

[18] Nguyễn Thị Ngọc Cẩm (2013), “*Nghiên cứu phát triển bền vững du lịch làng nghề tỉnh Thừa Thiên Huế*”, Kỷ yếu Hội thảo Festival nghề và làng nghề truyền thống Huế, trang 12 - 16.

[19] Nguyễn Phước Phú Quang (2013), “*Du lịch làng nghề ở đồng bằng sông Cửu Long - Một lợi thế văn hóa để phát triển du lịch*”, Tạp chí Phát triển và hội nhập, số 10, trang 62-66.

[20] Đinh Thị Mai Lan (2016), “*Phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch ở làng gốm Bát Tràng Hà Nội*”, Luận văn Thạc sĩ

[21] UBND tỉnh Hải Dương (2021, 2022, 2023, 2024), Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội tỉnh Hải Dương.

[22] Sở NN&PTNT Hải Dương (2021, 2022, 2023, 2024), *Báo cáo phát triển làng nghề.*

